

THÔNG BÁO

Về việc thực hiện các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư
và triển khai Công điện của Thủ tướng Chính phủ

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc Viện Kiến trúc Quốc gia

Thực hiện công văn số 6800/BXD-TCCB ngày 15/7/2025 của Bộ Xây dựng về việc tổ chức thực hiện Quy định số 305 - QĐ/TW của Bộ Chính trị quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương;

Thực hiện công văn số 7131/BXD-TCCB ngày 22/7/2025 của Bộ Xây dựng về việc tổ chức thực hiện Kết luận số 174-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư;

Thực hiện công văn số 5571/BXD-TCCB ngày 22/6/2025 của Bộ Xây dựng về việc tổ chức thực hiện Công điện số 110/CD-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

Viện Kiến trúc Quốc gia thông báo đến các đơn vị được biết và tổ chức tuyên truyền, phổ biến quán triệt các nội dung tại các công văn nêu trên.

Tạp chí Kiến trúc Việt Nam đăng tải các nội dung theo các công văn lên trang điện tử của Viện để toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động được biết.

(Đính kèm thông báo là các công văn có liên quan).

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Lãnh đạo Viện;
- Lưu: VT, TC-HC.

TL.VIỆN TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG TC - HC
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



★ Vũ Lương Hiền

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6800/BXD-TCCB

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2025

V/v tổ chức thực hiện Quy định số 305-QĐ/TW của Bộ Chính trị quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương

Kính gửi:

- Các Vụ thuộc Bộ; Văn phòng Bộ;
- Các Cục trực thuộc Bộ;
- Văn phòng Ủy ban ATGTQG, Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản, Ban Chỉ đạo Quy hoạch và đầu tư xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ;
- Các doanh nghiệp nhà nước do Bộ Xây dựng làm đại diện chủ sở hữu.

Ngày 13/6/2025, Bộ Chính trị ban hành Quy định số 305-QĐ/TW quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương (gửi kèm theo). Để tổ chức thực hiện Quy định số 305-QĐ/TW nêu trên, Bộ Xây dựng đề nghị các cơ quan, đơn vị:

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung Quy định số 305-QĐ/TW của Bộ Chính trị đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức và các đơn vị trực thuộc.

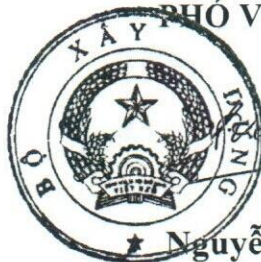
2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến Quy định số 305-QĐ/TW (nếu có) theo quy định.

Bộ Xây dựng đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCCB (V).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Nguyễn Cao Hiến

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

*

Số 305-QĐ/TW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 13 tháng 6 năm 2025

QUY ĐỊNH

**chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy
của tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương**

DẢNG ỦY BỘ XÂY DỰNG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 826
Ngày: 13 tháng 7 năm 2025

- Căn cứ Điều lệ Đảng;

- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII;

Bộ Chính trị quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp uỷ cấp tỉnh) như sau:

Điều 1. Vị trí, chức năng

Cấp uỷ cấp tỉnh là cấp uỷ trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Cấp uỷ cấp tỉnh có chức năng lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện ở cấp tỉnh; lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị cấp tỉnh và các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc theo quy định của Điều lệ Đảng, các quy định, hướng dẫn của Trung ương; lãnh đạo đảng bộ thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh; đề xuất, kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương đối với địa phương.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của cấp uỷ cấp tỉnh

1. Lãnh đạo cụ thể hoá các chủ trương, biện pháp triển khai tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, các chủ trương, nghị quyết của Trung ương. Quyết định chương trình làm việc và chương trình kiểm tra, giám sát toàn khoá, hằng năm của cấp uỷ; quy chế làm việc của cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra cấp uỷ cấp tỉnh. Căn cứ nội dung, tính chất của từng lĩnh vực, cấp uỷ cấp tỉnh ban hành văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đảng bộ.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nghị quyết của cấp uỷ cấp tỉnh. Tổ chức triển khai thực hiện thí điểm các chủ trương, mô hình mới theo chỉ đạo của Trung ương.

3. Lãnh đạo công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, học tập lý luận chính trị, tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận; bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng; đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; thực hiện các quy định của Trung ương về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp, thực hiện chuẩn mực đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong giai đoạn mới.

4. Quyết định chủ trương, giải pháp về xây dựng, quản lý, sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế thuộc thẩm quyền. Lãnh đạo việc đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể, hợp nhất các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc; quyết định chuyển giao, tiếp nhận tổ chức đảng theo thẩm quyền và theo quy định, hướng dẫn của cấp trên. Lãnh đạo, cho ý kiến về quy hoạch, điều chỉnh địa giới hành chính, thực hiện quy trình, thủ tục thành lập, giải thể, sáp nhập, chia tách, điều chỉnh địa giới, đổi tên đơn vị hành chính theo chủ trương của cấp trên và quy định của pháp luật.

Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các tổ chức đảng trực thuộc trong sạch, vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ đảng viên.

5. Lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ, quản lý đội ngũ cán bộ, thực hiện chính sách cán bộ trong hệ thống chính trị, quyết định công tác cán bộ bảo đảm đúng nguyên tắc, nội dung, quy trình, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Trung ương và địa phương về phân cấp quản lý cán bộ. Báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Căn cứ quy định, hướng dẫn của Trung ương, thảo luận, quyết định số lượng uỷ viên ban thường vụ, uỷ viên uỷ ban kiểm tra; xem xét, giới thiệu và đề nghị chỉ định uỷ viên ban chấp hành đảng bộ, uỷ viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra và chức danh chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định. Lãnh đạo công tác bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân cấp xã, cấp tỉnh và bầu cử đại biểu Quốc hội tại địa phương.

6. Căn cứ định hướng của Trung ương, xác định phương hướng chỉ đạo đại hội đảng bộ các cấp tại địa phương; chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập đại hội đảng bộ cấp tỉnh, hội nghị giữa nhiệm kỳ (nếu có).

7. Thực hiện tự phê bình và phê bình, chất vấn và lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định. Cho ý kiến về kết quả kiểm điểm, tự phê bình và phê bình hằng năm của ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh.

8. Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng, công tác nội chính, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên và giải quyết vấn đề đảng tịch theo Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương.

9. Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo, thực hiện dân chủ ở cơ sở; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; chỉ đạo đổi mới phương thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc giám sát và phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

10. Lãnh đạo chính quyền địa phương thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Định hướng đối với những vấn đề đặc biệt quan trọng do hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định. Xác định nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, các chương trình, đề án, dự án trọng điểm, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch dài hạn và trung hạn, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất của địa phương. Cho chủ trương những vấn đề chiến lược, lớn, quan trọng, nhạy cảm về kinh tế - xã hội, ngân sách, phát hành trái phiếu địa phương, quốc phòng, an ninh, các chương trình, dự án trọng điểm về đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, kinh tế đối ngoại...; chủ trương đầu tư các dự án đặc biệt quan trọng của địa phương theo quy chế làm việc của cấp uỷ cấp tỉnh. Xem xét, cho ý kiến về tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách 6 tháng và hằng năm của tỉnh; định hướng phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới.

11. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, công tác quân sự địa phương và chính sách hậu phương quân đội; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn; đề cao cảnh giác, giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước.

12. Quyết định các vấn đề liên quan đến quản lý tài chính, tài sản của cấp uỷ và đảng bộ theo thẩm quyền; xem xét, cho ý kiến về công tác tài chính đảng hằng năm và cuối nhiệm kỳ.

13. Xem xét, cho ý kiến về những công việc ban thường vụ đã giải quyết giữa hai kỳ hội nghị cấp uỷ cấp tỉnh; quyết định những vấn đề quan trọng khác do ban thường vụ trình.

14. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh

1. Quyết định triệu tập hội nghị cấp uỷ cấp tỉnh; chỉ đạo chuẩn bị nội dung, chương trình, báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết, kết luận trình hội nghị cấp uỷ cấp tỉnh về những vấn đề thuộc thẩm quyền của cấp uỷ quy định tại Điều 2 Quy định này. Chủ động đề xuất những vấn đề lớn, quan trọng của địa phương trình cấp uỷ xem xét, quyết định. Quyết định chương trình, kế hoạch công tác của ban thường vụ.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc triển khai, tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh, nghị quyết, chỉ thị của cấp uỷ cấp tỉnh; định kỳ sơ kết, tổng kết theo quy định.

3. Quyết định các chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác chính trị, tư tưởng, đạo đức. Chỉ đạo công tác học tập, nghiên cứu lý luận chính trị, tổng kết thực tiễn; đấu tranh với các quan điểm sai trái; bảo vệ nền tảng tư tưởng, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng. Lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới công tác dân vận, thực hiện dân chủ ở cơ sở; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đại diện của Nhân dân; chăm lo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân.

4. Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ và quản lý cán bộ:

a) Quyết định phân công công tác đối với các đồng chí uỷ viên ban chấp hành đảng bộ, uỷ viên ban thường vụ đảng uỷ.

b) Lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy và thống nhất quản lý biên chế, cán bộ của các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể thuộc hệ thống chính trị trong tỉnh theo quy định, hướng dẫn của Trung ương và cấp uỷ cấp tỉnh. Quyết định chủ trương, giải pháp về sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế và chính sách cán bộ thuộc thẩm quyền.

c) Lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và thống nhất quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; quyết định nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, giới thiệu cán bộ ứng cử, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ và thực hiện chính sách cán bộ theo phân cấp quản lý, bảo đảm đúng nguyên tắc, nội dung, quy trình, thủ tục, thẩm quyền.

d) Lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quyết định thẩm tra, xác minh, kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ, đảng viên theo quy định của Trung ương.

đ) Đề nghị hoặc cho ý kiến về việc xét tặng các danh hiệu cao quý của Nhà nước theo quy định. Quyết định khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng và quy định, hướng dẫn của Trung ương.

e) Chỉ đạo đại hội, cho ý kiến nội dung văn kiện và phê duyệt phương án nhân sự đại hội các tổ chức đảng trực thuộc.

g) Ban hành quy chế làm việc mẫu của các đảng uỷ cơ sở và chi bộ thuộc đảng bộ. Căn cứ quy định, hướng dẫn của cấp trên và cấp mình, lãnh đạo, chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng thuộc đảng bộ và cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp uỷ xây dựng quy chế làm việc phù hợp với tình hình thực tế.

h) Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định; việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân theo thẩm quyền được phân cấp. Gợi ý kiểm điểm đối với tập thể cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc và cá nhân cán bộ diện ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh quản lý khi thấy cần thiết.

Lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức đảng và đảng viên; chất lượng sinh hoạt đảng, tự phê bình và phê bình theo quy định.

5. Lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng, công tác nội chính, công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo đối với tổ chức đảng, đảng viên; kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý và người đứng đầu các cấp theo Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương.

6. Lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật; đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, điều hành, cải cách hành chính, đổi mới phương pháp, lề lối làm việc. Cho ý kiến về nội dung, chương trình các kỳ họp hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

7. Lãnh đạo, chỉ đạo những nhiệm vụ trọng tâm của địa phương, cho chủ trương về những vấn đề quan trọng, những vấn đề hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân, thường trực cấp uỷ cấp tỉnh báo cáo:

a) Định hướng quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, địa bàn trọng yếu; việc thực hiện các cơ chế, chính sách kinh tế - xã hội có ảnh hưởng đến đời sống nhân dân; chủ trương, cơ chế, chính sách huy động nguồn lực xã hội phục vụ phát triển; chủ trương đầu tư các dự án lớn, quan trọng, nhạy cảm; dự án liên quan đến quốc phòng, an ninh. Cho ý kiến về sử dụng các nguồn hỗ trợ của Trung ương và các tổ chức trong, ngoài nước; nguồn vượt thu dự toán ngân sách, nguồn tăng thu ngân sách.

b) Cụ thể hoá, triển khai tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Trung ương và cấp uỷ cấp tỉnh trong lĩnh vực văn hoá, giáo dục và đào tạo, y tế,

dân số, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, cải cách hành chính, phát triển nguồn nhân lực và bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

8. Lãnh đạo, chỉ đạo việc chuẩn bị và tổ chức đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; cho ý kiến nội dung văn kiện, phương án nhân sự và giới thiệu nhân sự các chức danh thuộc diện ban thường vụ quản lý để Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội bầu theo quy định. Cho ý kiến định hướng những nội dung quan trọng đối với hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

9. Quyết định hoặc cho chủ trương, định hướng, biện pháp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống tội phạm; giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề phức tạp trên địa bàn, nhất là các tình huống đột xuất liên quan đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, dân tộc, tôn giáo.

10. Lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của cấp ủy, đảng bộ theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Lãnh đạo hoạt động kinh tế đảng (nếu có).

11. Tham gia ý kiến với Trung ương trong việc xây dựng, ban hành chủ trương, chính sách, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, kết luận, quy chế của Đảng, nhất là những vấn đề liên quan đến địa phương.

12. Quyết định những vấn đề quan trọng khác do các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc đề nghị.

13. Ủy quyền cho thường trực cấp ủy cấp tỉnh thực hiện một số công việc cụ thể thuộc thẩm quyền của ban thường vụ, đồng thời thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

14. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trung ương giao.

Điều 4. Tổ chức bộ máy, biên chế và điều kiện bảo đảm hoạt động

1. Số lượng, cơ cấu ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra: Thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Trung ương; định hướng cơ cấu ban thường vụ theo quy định của Bộ Chính trị tại chỉ thị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng mỗi nhiệm kỳ.

2. Cấp ủy cấp tỉnh được thành lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp: Văn phòng, ban tổ chức, cơ quan ủy ban kiểm tra, ban tuyên giáo và dân vận, ban nội chính; trường chính trị, cơ quan báo và phát thanh, truyền hình của đảng bộ tỉnh, thành phố.

3. Biên chế cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp uỷ cấp tỉnh thực hiện theo quy định, hướng dẫn của Trung ương, do ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh xem xét, quyết định trong tổng số biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

4. Cấp uỷ cấp tỉnh có trụ sở làm việc đặt tại trung tâm chính trị - hành chính, có con dấu và tài khoản riêng, được cấp kinh phí, trang bị cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động theo quy định.

Điều 5. Mối quan hệ công tác

1. Với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư

a) Chấp hành nghiêm sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, mà trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

b) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Trung ương. Kịp thời báo cáo, xin ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề phức tạp, đột xuất phát sinh, nhất là những vấn đề liên quan đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại, dân tộc, tôn giáo hoặc những vấn đề vượt thẩm quyền.

2. Với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng

Thực hiện sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Trung ương theo quy định.

3. Với các cấp uỷ trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức khác trực thuộc Trung ương; với đảng uỷ quân khu, Đảng uỷ Bộ đội Biên phòng

a) Phối hợp thường xuyên, chặt chẽ và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của đảng uỷ quân khu, Đảng uỷ Bộ đội Biên phòng về công tác quốc phòng, quân sự địa phương.

b) Phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức và cấp uỷ trực thuộc Trung ương về công tác cán bộ và thực hiện các nhiệm vụ liên quan theo quy định.

4. Với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp và các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc

a) Cấp uỷ cấp tỉnh mà trực tiếp, thường xuyên là ban thường vụ cấp uỷ lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện công tác đối với các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của cấp uỷ. Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo điều kiện để các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc phát huy tính chủ động, sáng tạo, hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp uỷ cấp tỉnh chịu trách nhiệm trước cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh về thực hiện nhiệm vụ được giao và những quyết định của mình. Thực hiện nghiêm chế độ thông tin báo cáo theo quy định. Kịp thời giải quyết những vấn đề nhạy cảm, phức tạp, đột xuất phát sinh theo thẩm quyền.

c) Cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo các cấp uỷ, tổ chức đảng trong hội đồng nhân dân, uỷ ban nhân dân, toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội theo quy chế làm việc.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Cấp uỷ cấp tỉnh căn cứ Quy định này và Quy chế làm việc mẫu cụ thể hoá chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác để xây dựng và ban hành quy chế làm việc của cấp uỷ phù hợp với tình hình thực tiễn.

2. Ban Tổ chức Trung ương tham mưu Ban Bí thư ban hành quy định cụ thể về tổ chức bộ máy, biên chế các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của cấp uỷ cấp tỉnh.

3. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2025 và thay thế Quy định số 10-QĐi/TW, ngày 12/12/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, Ban Tổ chức Trung ương tổng hợp, báo cáo Bộ Chính trị xem xét, bổ sung, sửa đổi khi cần thiết.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các ban đảng, cơ quan, tổ chức của Đảng ở Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.



BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7131/BXD-TCCB

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2025

V/v tổ chức thực hiện Kết luận
số 174-KL/TW của Bộ Chính
trị, Ban Bí thư

Kính gửi:

- Các Vụ thuộc Bộ; Văn phòng Bộ;
- Các Cục trực thuộc Bộ;
- Văn phòng Ủy ban ATGTQG, Ban Chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản, Ban Chỉ đạo Quy hoạch và đầu tư xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ;
- Các doanh nghiệp nhà nước do Bộ Xây dựng làm đại diện chủ sở hữu.

Ngày 04/7/2025, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành Kết luận số 174-KL/TW về một số nhiệm vụ tiếp tục xây dựng tổ chức, hoạt động của đơn vị hành chính 2 cấp bảo đảm thông suốt, hiệu quả (*gửi kèm theo*). Để tổ chức thực hiện Kết luận nêu trên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Bộ Xây dựng đề nghị các cơ quan, đơn vị:

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt nội dung Kết luận số 174-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, tổ chức và các đơn vị trực thuộc.

2. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, tiếp tục tập trung cao, chủ động, tích cực, quyết liệt triển khai thực hiện nghiêm các chủ trương, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Đảng ủy Chính phủ... về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị gắn với đơn vị hành chính 02 cấp.

Bộ Xây dựng đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện./.

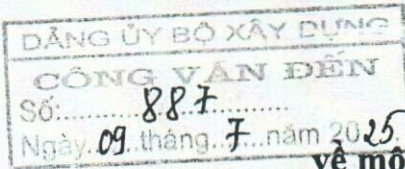
Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Đảng ủy Bộ;
- Vụ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCCB (V).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Nguyễn Cao Hiến



KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ
về một số nhiệm vụ tiếp tục xây dựng tổ chức, hoạt động
của đơn vị hành chính 2 cấp bảo đảm thông suốt, hiệu quả

Tại phiên họp ngày 04/7/2025, sau khi nghe báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương về tình hình, tiến độ thực hiện các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính từ ngày 28/6 đến ngày 03/7/2025 (Báo cáo số 418-BC/BTCTW, ngày 02/7/2025), Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết luận như sau:

1. Cơ bản thống nhất với Báo cáo về tình hình, tiến độ thực hiện các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính (từ ngày 28/6 đến ngày 03/7/2025) do Ban Tổ chức Trung ương trình. Bộ Chính trị, Ban Bí thư ghi nhận, đánh giá cao Đảng uỷ Chính phủ, Đảng uỷ Quốc hội, Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Nội vụ, các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương đã tích cực, khẩn trương hoàn thiện các công tác chuẩn bị, tổ chức thành công Lễ công bố nghị quyết, quyết định sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, thành lập tổ chức đảng, chỉ định nhân sự cấp tỉnh, cấp xã đồng loạt trong cả nước vào ngày 30/6/2025 và triển khai vận hành chính thức bộ máy đơn vị hành chính 2 cấp từ ngày 01/7/2025 bảo đảm đúng tiến độ, bước đầu hoạt động thông suốt, ổn định.

2. Yêu cầu ban thường vụ các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương tiếp tục tập trung cao độ, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo: (1) Nghiên cứu, nắm chắc chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cấp chính quyền, từng cơ quan, đơn vị và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, bảo đảm hoạt động của từng cấp chính quyền thông suốt, hiệu quả; đồng thời, tiếp nhận, thực hiện kịp thời, liên tục các nội dung, nhiệm vụ phân cấp, phân quyền từ Trung ương và triển khai phân cấp, phân quyền giữa các cấp chính quyền địa phương. Toàn bộ các công việc theo thẩm quyền của 2 cấp (tỉnh, xã) phải được thực hiện thông suốt, không để chậm trễ, không để sót việc, mục tiêu xuyên suốt là phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn. (2) Khẩn trương rà soát và hoàn thành toàn bộ công tác phân công, bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp xã; đối với những xã, phường, đặc khu thiếu cán bộ chuyên môn, cấp tỉnh phải bố trí, tăng cường kịp thời, đầy đủ, hỗ trợ, giúp đỡ để bảo đảm thực hiện công việc hiệu quả. Rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm, đề xuất biên chế của địa phương giai đoạn 2026 - 2031. (3) Tăng cường kiểm tra, nắm tình hình để kịp thời giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng

mắc cho cấp xã khi vận hành bộ máy mới. (4) Tiếp tục làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giải quyết đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động thôi công tác, nghỉ hưu sớm do sắp xếp theo hướng dẫn của Trung ương; tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn để Nhân dân nắm được những quy định và địa điểm, cách thức làm việc mới của các cơ quan nhà nước ở địa phương; củng cố và duy trì sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân đối với việc triển khai đơn vị hành chính 2 cấp; phát huy tinh thần đoàn kết, nhất trí thực hiện thành công mô hình đơn vị hành chính 2 cấp, bảo đảm hệ thống tổ chức vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả; bảo vệ quyền lợi chính đáng của người dân; chăm lo an sinh xã hội và mở rộng cơ hội phát triển cho mọi tầng lớp nhân dân. (5) Chủ trì, phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan triển khai đưa đoàn viên thanh niên, sinh viên tình nguyện có kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin của các trường đại học, cao đẳng hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, Nhân dân các xã, phường, đặc khu (nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn) trong vận hành, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, giải quyết thủ tục hành chính... trong giai đoạn đầu thực hiện mô hình đơn vị hành chính 2 cấp. (6) Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức thành công đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng gắn với chuẩn bị bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

3. Giao Đảng uỷ Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo: (1) Báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những chủ trương, nội dung lớn trước khi ban hành nghị định và các văn bản có liên quan hướng dẫn thi hành Luật Cán bộ, công chức năm 2025 về tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đánh giá, xếp loại, cho thôi việc đối với công chức, viên chức bảo đảm nguyên tắc "có vào, có ra"... (2) Kiểm tra, nắm chắc tình hình, thống kê đầy đủ, kịp thời báo cáo Bộ Chính trị về việc cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã nghỉ công tác sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị gắn với đơn vị hành chính 2 cấp và việc giải quyết chế độ, chính sách theo quy định; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc và điều chỉnh các quy định, hướng dẫn để bảo đảm việc cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã nghỉ công tác đúng mục đích, yêu cầu, đúng người và giữ được cán bộ có năng lực, trình độ. (3) Lãnh đạo, chỉ đạo Chính phủ ban hành quy định về tiêu chuẩn đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính và phân loại đô thị phù hợp với yêu cầu phát triển thời kỳ mới. (4) Lãnh đạo, chỉ đạo khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về chế độ, chính sách, tiền lương, phụ cấp trách nhiệm đối với cán bộ, công chức, viên chức (*hoàn thành trong tháng 9/2025*). (5) Lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng biên chế khối chính phủ sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy; phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương hoàn thiện việc xác định vị trí việc làm, làm cơ sở xác định biên chế đến năm 2031 của các bộ; cơ quan ngang bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; chính quyền địa phương; cơ quan đại diện

Việt Nam ở nước ngoài; các đơn vị sự nghiệp, hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương. (6) Lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định về số lượng cấp phó các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc uỷ ban nhân dân, hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp xã theo hướng tinh gọn, nâng cao chất lượng, đáp ứng yêu cầu giai đoạn mới. (7) Lãnh đạo, chỉ đạo rà soát việc bố trí kinh phí; kiểm tra, hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí, bố trí trụ sở làm việc, bảo đảm điều kiện hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị gắn với đơn vị hành chính 2 cấp. (8) Tiếp tục kiểm tra sát sao việc bố trí đủ kinh phí, kịp thời giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu sớm, thôi việc do sắp xếp. (9) Lãnh đạo, chỉ đạo Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống cơ quan hành chính ở Trung ương và địa phương; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phân định rõ thẩm quyền; về quy trình công tác, hồ sơ, thủ tục hành chính...; về cung cấp dịch vụ công, dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp, tổ chức không phụ thuộc địa giới hành chính. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành kịp thời các quy định, hướng dẫn hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống cơ quan hành chính ở Trung ương và địa phương bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa các văn bản, giữa Trung ương và địa phương sau sắp xếp đơn vị hành chính các cấp, thực hiện mô hình đơn vị hành chính 2 cấp. (10) Tiếp tục theo dõi, đôn đốc việc vận hành của cơ quan nhà nước ở địa phương, bảo đảm thông suốt, hiệu quả, không để xảy ra tình trạng tắc nghẽn, gián đoạn ảnh hưởng đến hoạt động công vụ, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, khắc phục ngay các sự cố (nếu có).

4. Giao Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo: (1) Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại tổ chức đầu mối bên trong trực thuộc Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng các cấp do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, bảo đảm đồng bộ, thông suốt, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, gần dân, sát dân, bám cơ sở. (2) Kịp thời sắp xếp lại các hội quần chúng thật tinh gọn, giảm số lượng các hội quần chúng và báo chí trực thuộc. (3) Theo dõi, nắm tình hình triển khai hoạt động của mô hình Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng theo mô hình đơn vị hành chính 2 cấp; chủ động đề xuất phương án căn cơ, hệ thống để giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc, bảo đảm hoạt động thông suốt, đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra; đặc biệt là ở thôn, bản, tổ dân phố.

5. Giao Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ nghiên cứu, tham mưu, đề xuất, hướng dẫn giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ công đoàn chuyên trách làm việc theo chế độ hợp đồng (hưởng lương và phụ cấp từ nguồn kinh phí công đoàn) chịu ảnh hưởng bởi sắp xếp.

6. Giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì: (1) Xây dựng quy định của Ban

Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan báo và phát thanh truyền hình cấp tỉnh (*hoàn thành trước ngày 31/7/2025*). (2) Xây dựng quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trung tâm chính trị xã, phường, đặc khu (*hoàn thành trước ngày 25/8/2025*). (3) Tiếp thu ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư, tiếp tục rà soát, bổ sung, cập nhật các nội dung, nhiệm vụ về sắp xếp tổ chức bộ máy, triển khai mô hình đơn vị hành chính 2 cấp để tham mưu Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết Nghị quyết 18 ban hành Kế hoạch triển khai nhiệm vụ về tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và chuẩn bị đại hội đảng bộ các cấp. (4) Phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, xây dựng quy định của Bộ Chính trị về quy hoạch, phân cấp quản lý, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ, danh mục chức danh cán bộ... theo đúng nguyên tắc "có vào, có ra", "có lên, có xuống" trong công tác cán bộ. (5) Đầu mối, phối hợp với các ban đảng Trung ương, cơ quan liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng cho đồng bộ, phù hợp. (6) Rà soát, hướng dẫn, tổng hợp, hoàn thiện vị trí việc làm và xác định biên chế giai đoạn 2026 - 2031 của các cơ quan trong hệ thống chính trị ở Trung ương và địa phương, báo cáo cấp có thẩm quyền.

7. Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư tiếp tục theo dõi, nắm tình hình địa bàn theo phân công, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc, kịp thời chỉ đạo giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh để bảo đảm bộ máy đơn vị hành chính 2 cấp vận hành hiệu quả, thông suốt và việc tổ chức đại hội đảng bộ các cấp thực hiện đúng kế hoạch, yêu cầu đề ra.

8. Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện nghiêm các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về vận hành bộ máy các cơ quan, đơn vị theo mô hình mới; triển khai các nội dung, nhiệm vụ theo Kế hoạch số 56-KH/BCĐ của Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết Nghị quyết 18.

(Kèm theo Báo cáo số 418-BC/BTCTW, ngày 02/7/2025 của Ban Tổ chức Trung ương).

Nơi nhận:

- Các cơ quan, ban đảng Trung ương,
- Các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Đảng ủy các bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương,
- Các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ



Trần Cẩm Tú

**BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
BAN TỔ CHỨC**

*

Số 418 - BC/BTCTW

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 02, tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO

**về tình hình, tiến độ thực hiện các nghị quyết, kết luận của Trung ương,
Bộ Chính trị về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính
(từ ngày 28/6 đến 03/7/2025)**

Kính gửi: Bộ Chính trị, Ban Bí thư

Thực hiện nhiệm vụ Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao; trên cơ sở tổng hợp báo cáo của các cơ quan, đơn vị, địa phương và theo dõi tình hình thực tế, Ban Tổ chức Trung ương (Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo) kính báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình, tiến độ, kết quả thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từ ngày 28/6 đến 03/7/2025 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Đảng ủy Chính phủ và đảng ủy các bộ, cơ quan ngang bộ đã lãnh đạo, chỉ đạo:

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành: (1) Công điện số 103/CĐ-TTg ngày 30/6/2025 yêu cầu các bộ, ngành, địa phương tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, dữ liệu chuyên ngành, bảo đảm thông suốt, hiệu quả, không gián đoạn; trong đó: (i) Giao Bộ Công an chủ trì phối hợp với các bộ, ngành, địa phương rà soát toàn diện, đánh giá hiện trạng các cơ sở dữ liệu quốc gia, dữ liệu chuyên ngành; tiếp tục xây dựng, cập nhật, bổ sung hệ thống cơ sở dữ liệu theo từng bộ, ngành, địa phương, bảo đảm đồng bộ về cấu trúc, tiêu chuẩn, trường thông tin, phục vụ kết nối liên thông trong toàn bộ hệ thống chính trị. (ii) Yêu cầu các tập đoàn, công ty công nghệ (VNPT, Viettel, FPT, Mobifone, TecaPro, CMC, GTel...) hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương trong việc nâng cấp, chỉnh sửa các hệ thống thông tin, dữ liệu để kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, định danh xác thực điện tử để kịp thời phục vụ người dân, doanh nghiệp không bị gián đoạn trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến, hoàn thành trước tháng 9/2025. (iii) Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, tránh đầu tư trùng lặp, lãng phí ngân sách nhà nước...; (2) Quyết định số 1417/QĐ-TTg ngày 30/6/2025 thành lập Ban Chỉ đạo của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính và phân cấp, phân quyền. Đây là tổ chức phối hợp liên

ngành do Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng Ban, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ và đồng chí Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ là Phó Trưởng Ban; các đồng chí Bộ trưởng, Thứ trưởng các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan là thành viên. Ban Chỉ đạo thực hiện chức năng nghiên cứu, chỉ đạo, phối hợp giải quyết những công việc liên quan liên ngành về chiến lược, chương trình, kế hoạch, đề án, mục tiêu, giải pháp về cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Các đồng chí Phó Thủ tướng Chính phủ chủ trì họp với các bộ, ngành, địa phương rà soát, đánh giá công tác triển khai, hoàn thành các nhiệm vụ chuyển đổi số chuẩn bị sẵn sàng cho việc thực hiện mô hình đơn vị hành chính 2 cấp. Trong đó: (1) Các bộ, ngành đã hoàn thành công bố 976 thủ tục hành chính (100% thủ tục cần phải công bố, công khai tại 28 Nghị định phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền). (2) Bộ Nội vụ đã phối hợp với Tập đoàn FPT để chuyển giao công nghệ xây dựng phần mềm quản lý lưu trữ tài liệu và giải pháp bảo đảm hạ tầng kỹ thuật kho lưu trữ số cho các địa phương trong quá trình sắp xếp tổ chức lại đơn vị hành chính. (3) Yêu cầu Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố xây dựng, ban hành và công bố mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị; kịp thời công bố, công khai đầy đủ danh mục thủ tục hành chính áp dụng trên địa bàn tỉnh; rà soát, điều chỉnh quy trình nội bộ, quy trình điện tử của các thủ tục hành chính đã được phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, kịp thời triển khai ngay từ ngày 01/7/2025.

- Chính phủ đã ban hành 05 nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi) gồm: (1) Nghị định số 170/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; (2) Nghị định số 171/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức; (3) Nghị định số 172/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức; (4) Nghị định số 173/2025/NĐ-CP của Chính phủ về hợp đồng thực hiện nhiệm vụ công chức; (5) Nghị định số 179/2025/NĐ-CP quy định về mức hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng.

- Bộ Nội vụ đã phối hợp các bộ, ngành, cơ quan có liên quan ban hành Cẩm nang chính quyền địa phương cấp xã, công khai cả bản điện tử và bản in gửi tới các địa phương. Cẩm nang đã cụ thể hóa chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác và xử lý tình huống phát sinh tại cơ sở, bảo đảm thống nhất và hiệu quả trong tổ chức thực hiện. Đây là tài liệu quan trọng phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức cấp xã. Tại buổi Lễ công bố ngày 30/6/2025, nhiều địa phương đã

phát trực tiếp cuốn Cẩm năng cho các đại biểu tham dự (như: thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Huế, các tỉnh Hưng Yên, Thái Nguyên,...).

- Bộ Dân tộc và Tôn giáo đã ban hành 06 thông tư thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực để triển khai phân cấp, phân quyền và phân định thẩm quyền trên cơ sở các Nghị định của Chính phủ.

(Chi tiết tại Báo cáo số 4659/BC-BNV, ngày 02/7/2025 của Bộ Nội vụ)

2. Đảng ủy Quốc hội và đảng ủy các cơ quan của Quốc hội đã lãnh đạo, chỉ đạo:

- Hoàn thành báo cáo tổng hợp nhanh kết quả Kỳ họp thứ 9, Quốc hội XV. Trong đó, nêu bật một số kết quả đã đạt được như sau: (1) Thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm tạo cơ sở hiến định cho việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp theo chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025. Nghị quyết được thông qua là sự kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, phản ánh sâu sắc ý chí, nguyện vọng của Nhân dân, kết hợp giữa ý Đảng, lòng Dân, phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu xây dựng, bảo vệ, phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới... (2) Thông qua Nghị quyết về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành 34 Nghị quyết về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của 34 tỉnh, thành phố; theo đó, tiếp tục theo dõi, xem xét, đánh giá việc triển khai thực hiện các nghị quyết về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã để triển khai thực hiện mô hình đơn vị hành chính 02 cấp là rất cần thiết nhằm kịp thời hoàn thiện cơ chế, chính sách, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc (nếu có). (3) Thông qua Nghị quyết về chương trình giám sát của Quốc hội năm 2026, trong đó giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội chủ động xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình giám sát của mình; nghiên cứu, tổ chức giám sát các nội dung liên quan đến việc thực hiện các nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và việc thực hiện mô hình đơn vị hành chính 02 cấp bằng các hình thức phù hợp hoặc lồng ghép với các hoạt động giám sát khác, bảo đảm hiệu quả; báo cáo kết quả thực hiện theo quy định của pháp luật. (4) Thông qua 14 luật¹, 02 nghị quyết quy phạm pháp luật để

¹ Bao gồm: (1) Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi); (2) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính; (3) Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi); (4) Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi); (5) Luật Thanh tra (sửa đổi); (6) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; (7) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự; (8) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; (9) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; (10) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế giá trị

triển khai tổ chức mô hình đơn vị hành chính 02 cấp theo chủ trương của Đảng và quy định mới của Hiến pháp, bảo đảm tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; quy định các nội dung chuyển tiếp để giải quyết các vấn đề phát sinh khi chuyển đổi mô hình đơn vị hành chính từ 03 cấp sang 02 cấp, bảo đảm hoạt động thống nhất, liên tục, thông suốt của bộ máy hệ thống chính trị, không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của người dân, doanh nghiệp và xã hội.

- Hoàn thiện tờ trình Bộ Chính trị về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong Kết luận số 153-KL/TW về phương hướng bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 để bảo đảm chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất trong công tác cán bộ, phù hợp với thực tiễn (Tờ trình số 27-TTr/ĐUQH, ngày 26/6/2025).

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội kịp thời ban hành văn bản hướng dẫn số 1361/UBTVQH15-CTĐB, ngày 27/6/2025 về việc chỉ định nhân sự hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân đối với đơn vị hành chính cấp xã ở những nơi không thực hiện hợp nhất, sáp nhập, tạo điều kiện cho các địa phương triển khai thực hiện, bảo đảm đồng bộ, thống nhất trên phạm vi cả nước.

(Chi tiết tại Báo cáo số -BC/ĐUQH, ngày 02/7/2025 của Đảng ủy Quốc hội)

3. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo

- Ban hành: (1) 19 Quyết định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các ban, đơn vị (theo mô hình mới); (2) Hơn 300 Quyết định về việc bổ nhiệm, tiếp nhận, điều động cán bộ, công chức, viên chức của Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; (3) 34 Quyết định công nhận chức danh trong Ban Thường trực, Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố.

- Ban hành Thông báo số 39-TB/ ĐUMTTQ, CĐTTW ngày 27/6/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về công tác nhân sự của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội để bổ nhiệm cán bộ tại cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

- Chỉ đạo xây dựng Đề án hợp nhất Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam và Hội cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam.

gia tăng; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; (11) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; (12) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân; (13) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân; (14) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng.

¹ Bao gồm: (1) Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật; (2) Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, các luật tố tụng và luật khác có liên quan.

- Tổ chức Hội nghị Công bố và trao các Quyết định về công tác tổ chức bộ máy và cán bộ các ban, đơn vị thuộc Cơ quan Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam theo mô hình mới.

- Duyệt và chỉ đạo Đại hội các đảng bộ, chi bộ trực thuộc (từ ngày 26/6/2025 đến ngày 02/7/2025 Thường trực Đảng ủy dự và chỉ đạo đại hội của 06 tổ chức đảng trực thuộc).

- Đảng ủy Tổng Liên đoàn lao động Việt nam: (1) Ban hành các Quyết định kết thúc hoạt động của Công đoàn Viên chức Việt Nam, các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc diện sắp xếp, hợp nhất, sáp nhập; (2) Ban hành các Quyết định thành lập mới các liên đoàn lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc diện sắp xếp, hợp nhất, sáp nhập theo mô hình mới; (3) Tổng hợp báo cáo kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy công đoàn địa phương, công đoàn ngành Trung ương đến 30/6/2025.

- Đảng ủy Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam ban hành Công văn số 5205/ĐCT-TCKT, ngày 23/6/2025 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam về hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy và hoạt động của Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp đảm bảo đúng quy trình, quy định, tiếp độ đề ra.

(Chi tiết tại Công văn số 365-CV/ĐUMTTQ, CĐTTW, ngày 01/7/2025 của Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương)

4. Quân ủy Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương

- Quân ủy Trung ương đã hoàn thiện, trình Bộ Chính trị ban hành Quy định số 332-QĐ/TW ngày 24/6/2025 về tổ chức Đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

- Đảng ủy Công an Trung ương đã lãnh đạo, chỉ đạo: (1) Bộ Công an tổ chức Lễ công bố các quyết định thành lập 34 Công an cấp tỉnh (ngày 28/6/2025); (2) Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức Lễ công bố thành lập 3.319 Công an cấp xã (ngày 29/6/2025). (3) Tiếp tục rà soát, điều chỉnh phân công, phân cấp các mặt công tác, thực hiện sắp xếp, bố trí và các chế độ, chính sách đối với cán bộ theo đúng quy định; kiện toàn các tổ chức Đảng tương ứng với mô hình tổ chức mới; đảm bảo mọi điều kiện để triển khai tổ chức bộ máy Công an địa phương theo đơn vị hành chính mới, hoạt động thông suốt, hiệu quả, phát huy cao nhất tinh thần “vì Nhân dân phục vụ”, gần dân, sát dân, “lúc dân cần, lúc dân khó có Công an”. (4) Xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do Bộ Công an chủ trì, cụ thể: (i) Chuẩn hóa hạ tầng

số, xây dựng Công Dịch vụ công quốc gia tập trung; (ii) Tích hợp giấy tờ điện tử lên ứng dụng VNeID, Công Dịch vụ công quốc gia...

5. Đảng ủy Tòa án nhân dân tối cao, Đảng ủy Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã lãnh đạo, chỉ đạo:

- Tòa án nhân dân tối cao: (1) Tổ chức Lễ Công bố các quyết định bổ nhiệm Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực sau hợp nhất, sáp nhập. (2) Ban hành Quyết định cơ cấu tổ chức, biên chế, nhân sự lãnh đạo của 03 Tòa Phúc thẩm; biên chế, nhân sự lãnh đạo của 04 Vụ Giám đốc kiểm tra Tòa án nhân dân tối cao. (3) Ban hành các Nghị quyết, Thông tư gồm: (i) Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; (ii) Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; (iii) Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; (iv) Thông tư liên tịch của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an và Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch; (v) Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thành lập các Tòa Phúc thẩm, cục, vụ và tương đương, cơ quan báo chí của Tòa án nhân dân tối cao; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của các đơn vị thuộc Tòa án nhân dân tối cao; (vi) Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của bộ máy giúp việc trong các Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực. (4) Nghiên cứu sửa đổi Quyết định phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, tài sản công và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trụ sở làm việc Tòa án nhân dân các cấp để phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ sau sắp xếp, tinh gọn.

- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao: (1) Ban hành Thông tư quy định thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân các cấp trong thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong giải quyết vụ việc, vụ án hình sự; (2) Ban hành Thông tư quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân các cấp; (3) Ban hành Quyết định thành lập 03 Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm; (4) Hoàn thiện Tờ trình Ban Bí thư xem xét, ký ban hành Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy Viện Kiểm sát nhân dân tối cao với các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo về tổ chức, hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân tại địa phương; (5) Tham mưu Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1745/NQ-UBTVQH15 về

việc phê chuẩn đề nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về bộ máy làm việc của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Nghị quyết số 84/2025/NQ-UBTVQH15 về việc thành lập Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực; quy định phạm vi và thẩm quyền theo lãnh thổ của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực; (5) Tổ chức công bố và trao các quyết định bổ nhiệm Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm hình sự thuộc Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân khu vực của 34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sau khi hợp nhất, sáp nhập.

6. Ban Tổ chức Trung ương

- Hoàn thiện các nội dung liên quan công tác đại chuẩn bị Đại hội Đảng toàn quốc, báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến để trình Hội nghị Trung ương 12: (i) Rà soát, bổ sung quy hoạch Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa XIV nhiệm kỳ 2026-2031; (ii) Phương hướng công tác nhân sự Đại hội XIV; (iii) Tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng và phân bổ đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; (iv) Thông qua văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng (Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng).

- Tiếp tục theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức đảng hoàn thành đại hội đảng bộ cấp cơ sở và chuẩn bị tổ chức đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở và đảng bộ xã, phường, đặc khu. Qua theo dõi tình hình tổ chức đại hội đảng bộ cấp cơ sở, tính đến thời điểm ngày 30/6/2025, số tổ chức cơ sở đảng đã tổ chức đại hội là 25.061/25.647 (đạt 97,6%).

- Rà soát, cập nhật, bổ sung các nội dung nhiệm vụ liên quan sắp xếp tổ chức bộ máy, triển khai mô hình đơn vị hành chính 02 cấp; tham mưu xây dựng Kế hoạch của Ban Chỉ đạo tổng kết Nghị quyết 18 tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và chuẩn bị Đại hội đảng bộ các cấp (thay thế Kế hoạch 47-KH/BCĐ).

- Tiếp thu ý kiến các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo và một số cơ quan, ban Đảng Trung ương để hoàn thiện Báo cáo trình Hội nghị Trung ương 12 về kết quả thực hiện Nghị quyết 18 từ tháng 11/2024 đến tháng 7/2025, báo cáo Bộ Chính trị cho ý kiến tại phiên họp ngày 04/7/2025.

- Nghiên cứu, rà soát các quy định, hướng dẫn cần sửa đổi, bổ sung, ban hành mới trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành để bộ máy mới vận hành thông suốt, hiệu quả, như: Các quy định về công tác cán bộ, về mẫu thẻ đảng viên mới và đổi thẻ đảng viên; quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Cơ quan báo và phát thanh, truyền hình cấp tỉnh; của Trung tâm chính trị cấp xã;...

- Hoàn thiện báo cáo tình hình đội ngũ cán bộ diện Trung ương quản lý; báo cáo tình hình tổ chức cơ sở đảng (quý II/2025) trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

7. Các ban Đảng Trung ương

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiếp tục giám sát, cập nhật thường xuyên báo cáo về tình hình, kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền gắn với thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của các bộ, ngành.

- Văn phòng Trung ương Đảng đã: (1) Tham mưu, tổ chức các Đoàn công tác của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Trung ương Đảng, lãnh đạo các ban, bộ, ngành Trung ương tham dự Lễ công bố các nghị quyết, quyết định của Trung ương và địa phương về sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, thành lập tổ chức đảng, chỉ định cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố, xã, phường, đặc khu tại các địa phương; (2) Ban hành văn bản hướng dẫn việc bảo đảm kinh phí phục vụ hoạt động của đảng bộ xã, phường, đặc khu thành lập mới (Công văn số 15779-CV/VPTW, ngày 29/6/2025).

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương đã chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí tuyên truyền nổi bật “Lễ công bố các nghị quyết, quyết định của Trung ương và địa phương về sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, thành lập tổ chức đảng, chỉ định cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố, xã, phường, đặc khu”; về quá trình chuẩn bị, sẵn sàng các điều kiện vận hành chính thức mô hình chính quyền địa phương hai cấp theo đúng kế hoạch đề ra.

8. Các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương đã lãnh đạo, chỉ đạo:

- Ngày 30/6/2025, 34/34 tỉnh, thành phố đồng loạt tổ chức Lễ công bố các nghị quyết, quyết định của Trung ương và địa phương về sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, thành lập tổ chức đảng, chỉ định cấp ủy, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc tỉnh, thành phố, xã, phường, đặc khu. Lễ Công bố đã được chuẩn bị kỹ lưỡng, công phu; tổ chức nghiêm túc, trang trọng, hiệu quả, thiết thực và đồng bộ, thống nhất theo đúng hướng dẫn của Văn phòng Trung ương.

Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước theo phân công của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã đến dự và chỉ đạo tại các địa phương. Một số địa phương tổ chức các hoạt động văn hóa chào mừng, tạo không khí hào hứng, phấn khởi, “ngày hội” của toàn dân.

Dư luận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân cả nước tham dự và theo dõi Lễ công bố đa số thể hiện sự phấn khởi, hào hứng; đồng tình, ủng hộ đối với

chủ trương của Đảng về sắp xếp tinh gọn bộ máy, sáp nhập tỉnh, thành, sắp xếp cấp xã và kỳ vọng vào kết quả hoạt động của bộ máy đơn vị hành chính 2 cấp.

- 100% các tỉnh, thành phố hợp nhất, sáp nhập đã hoàn thành việc tổ chức kỳ họp lần thứ nhất hội đồng nhân dân các cấp để xem xét, quyết định thông qua nghị quyết về việc thành lập các Ban của hội đồng nhân dân, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân; các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính trực thuộc UBND và thực hiện công tác nhân sự của hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh², cấp xã³. Kỳ họp tập trung thực hiện các thủ tục hành chính quan trọng, thông qua các nghị quyết liên quan đến tổ chức bộ máy, tạo nền tảng cho hoạt động ổn định, hiệu quả của hội đồng nhân dân, chính quyền cấp tỉnh, cấp xã trong nhiệm kỳ mới.

- Từ ngày 01/7/2025 đến nay, 18/23 ban thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy⁴ sau hợp nhất, sáp nhập đã tổ chức Hội nghị lần thứ nhất, tập trung cho ý kiến về công tác cán bộ, một số nội dung liên quan đến công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan Nhà nước bảo đảm hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt. Các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy, bộ máy chính quyền và Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, cấp xã đã bước đầu ổn định, đi vào hoạt động, bảo đảm liên thông, đồng bộ, đúng các quy định, hướng dẫn của Trung ương.

- Nhiều tỉnh, thành phố đã tiếp tục: (1) Rà soát, hoàn thiện việc bố trí trụ sở, cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động của cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp xã mới, bảo đảm hoạt động đồng bộ, liên tục, không gián đoạn từ ngày 01/7/2025. Cùng với việc tổ chức phương tiện đưa đón, nhiều tỉnh đã bố trí chỗ ở cho cán bộ, công chức ở lại do nơi ở cách xa chỗ làm việc. (2) Đánh giá, rút kinh nghiệm từ quá trình vận hành thử và kịp thời bổ sung, điều động cán bộ chuyên môn thuộc các lĩnh vực tài nguyên, tài chính, xây dựng, y tế, công nghệ thông tin... từ các sở về xã và cân đối, hài hòa giữa các xã nên bước đầu đã đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

- Sau Lễ công bố, bộ máy đảng, chính quyền cấp tỉnh, cấp xã đã đi vào hoạt động ngay trong ngày 01/7/2025 để không bị gián đoạn khi chuyển giao chức năng, nhiệm vụ. Các đồng chí trong Ban Thường vụ, Ban Chấp hành tỉnh ủy, thành ủy đều được phân công xuống xã để theo dõi và chỉ đạo vận hành

² Thường trực HĐND cấp tỉnh công bố nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc chỉ định Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Trưởng các Ban của HĐND cấp tỉnh hình thành sau sắp xếp; nghị quyết của Thường trực HĐND cấp tỉnh về việc chỉ định Ủy viên UBND, phê chuẩn Phó Trưởng Ban của HĐND cấp tỉnh sau sắp xếp

³ Thường trực HĐND cấp xã công bố nghị quyết của Thường trực HĐND cấp tỉnh về việc chỉ định Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Trưởng các Ban của HĐND cấp xã hình thành sau sắp xếp; nghị quyết của Thường trực HĐND cấp xã về việc chỉ định Ủy viên UBND, phê chuẩn Phó Trưởng Ban của HĐND cấp xã sau sắp xếp

⁴ 05 địa phương chưa tổ chức là Quảng Ngãi, Đồng Nai, Cà Mau, Đồng Tháp, Vĩnh Long

chính thức hoạt động của bộ máy cấp xã mới. Trong 02 ngày 01-02/7/2025, các đảng ủy cấp xã (mới) đã tổ chức hội nghị ban thường vụ, ban chấp hành, tập trung thực hiện các nhiệm vụ⁵ về tổ chức bộ máy, biên chế và nhân sự, bảo đảm hoạt động của các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị cấp xã hoạt động đồng bộ, thông suốt.

- Việc vận hành của Trung tâm phục vụ Hành chính công cơ bản bảo đảm thông suốt, chất lượng⁶. Qua theo dõi, các Trung tâm phục vụ Hành chính công cấp xã đã đi vào hoạt động tại 100% xã, phường, đặc khu mới; được bố trí trụ sở riêng, có cán bộ trực thường xuyên, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tra cứu, giải quyết thủ tục hành chính; bảo đảm việc thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp thông suốt, hiệu quả, không bị gián đoạn khi triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Bước đầu triển khai các công việc hành chính liên quan tại Trung tâm phục vụ hành chính công cho thấy thái độ phục vụ của công chức đã góp phần nhận được sự tin tưởng trong Nhân dân. Ở các địa bàn miền núi, số lượng hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính ít, nên cán bộ dù thiếu cũng chưa tạo áp lực khó khăn.

- Một số địa phương ban hành chế độ, chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức phải di chuyển địa điểm làm việc, công tác tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, như: tỉnh Đồng Nai hỗ trợ thuê nhà ở với mức cao nhất là 3 triệu đồng/người/tháng, hỗ trợ tiền ăn 2 triệu đồng/người/tháng; hỗ trợ chi phí vận chuyển 3 triệu đồng; tỉnh Lâm Đồng hỗ trợ một lần chi phí vận chuyển, mua sắm các vật dụng sinh hoạt thiết yếu ban đầu 5 triệu đồng/người. Hỗ trợ chi phí đi lại 1,6 triệu đồng/người/tháng trong vòng 24 tháng (trừ các đối tượng có tiêu chuẩn xe đưa đón).

⁵ Các nội dung cụ thể: (1) Quy chế làm việc đảng ủy nhiệm kỳ 2025-2030; (2) Quy chế làm việc ủy ban kiểm tra đảng ủy nhiệm kỳ 2025-2030; (3) Việc thành lập các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy; trung tâm chính trị (ở nơi lập trung tâm chính trị); cơ quan UBMTTQVN cấp xã; (4) Chủ trương thành lập phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp xã; chủ trương thành lập các Ban Hội đồng nhân dân cấp xã; (5) Cho ý kiến nội dung chương trình kỷ họp HĐND lần thứ nhất; (6) Phân công ủy viên ban thường vụ; (7) Quy định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy, trung tâm chính trị; (8) Giao biên chế cơ quan Khối Đảng, MTTQVN cấp xã năm 2025; (9) Tiếp nhận, phân công, bố trí công chức, viên chức Khối Đảng, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội; (10) Công tác cán bộ; (11) Tiếp nhận tổ chức đảng, đảng viên; (12) Kiện toàn, sắp xếp, thành lập các tổ chức đảng trực thuộc và thực hiện một số nội dung liên quan.

⁶ (1) Tại Hà Nội, Hải Phòng, Thanh Hóa, Thái Nguyên, Điện Biên, Sơn La, các hồ sơ của nhân dân đến Trung tâm phục vụ Hành chính công được giải quyết nhanh gọn và giảm phiền hà; (2) Trong ngày, Quảng Ninh đã tiếp nhận và giải quyết 2.000 thủ tục hành chính của nhân dân và doanh nghiệp thông suốt, hiệu quả; (3) Bưu điện tỉnh Hưng Yên đã bố trí 104 nhân viên trực tiếp tham gia hướng dẫn người dân, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính, nộp hồ sơ trên cổng dịch vụ công quốc gia; số hóa hồ sơ; trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; chuyển hồ sơ giữa trung tâm phục vụ hành chính công xã, phường với các đơn vị liên quan trong giải quyết thủ tục hành chính; tiếp nhận các yêu cầu, phản ánh, khiếu nại của người dân đối với việc giải quyết thủ tục hành chính; (4) Tại Ninh Bình, cơ sở dữ liệu đảng viên đã đồng bộ gửi lên Trung ương, mô hình 1 máy chủ; tài liệu, hồ sơ vụ việc đã đồng bộ Trung ương 100%. Đến nay, đã số hóa tài liệu ước đạt khoảng 80%. Các phần mềm chuyên ngành, hệ thống văn bản điện tử được vận hành thông suốt, có sự hỗ trợ kịp thời của tổ công tác kỹ thuật cấp tỉnh. Công tác tiếp công dân, xử lý hồ sơ hành chính công và tương tác với các sở, ngành cấp tỉnh được duy trì ổn định, không có tình trạng ách tắc hoặc gián đoạn; (5) Phường Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh tiên phong trong sử dụng robot tại Trung tâm phục vụ Hành chính công để chào hỏi người dân, tạo sự thân thiện và thực hiện một số nhiệm vụ đơn giản khác.

- Các địa phương đã bước đầu: (1) Lập danh sách, tiến hành quy trình thẩm định để giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách có nguyện vọng nghỉ công tác từ ngày 01/7/2025; (2) Tổ chức lấy ý kiến đối với người hoạt động không chuyên trách có nguyện vọng tiếp tục công tác và cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng để bố trí, sắp xếp công việc phù hợp, bảo đảm thực hiện đúng chủ trương của Đảng.

- Ban Thường vụ các tỉnh mới lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh, thành sau sáp nhập phù hợp với không gian, dư địa phát triển mới, khẩn trương hoàn thành để đại hội cấp dưới tham gia ý kiến.

- Các tỉnh ủy, thành ủy tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các xã, phường mới hoàn thành dự thảo nội dung các văn kiện trình đại hội đảng bộ xã, phường. Nội dung văn kiện bao quát toàn bộ địa bàn cấp xã sau hợp nhất để phục vụ việc tổ chức thảo luận tại đại hội và làm căn cứ để xây dựng văn kiện cấp trên. Sau khi ổn định tổ chức bộ máy, công tác lãnh đạo, chỉ đạo chuẩn bị, tổ chức đại hội đảng bộ cấp cơ sở được tiến hành khẩn trương. Theo đó, các đảng ủy cấp xã đã họp, thông qua kế hoạch; thành lập tiểu ban phục vụ Đại hội; phương án nhân sự Đoàn Chủ tịch, Đoàn Thư ký, Ban Thẩm tra tư cách đại biểu và phương án phân bổ đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Việc tổ chức Lễ công bố nghị quyết, quyết định sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, thành lập tổ chức đảng, chỉ định nhân sự đồng thời, đồng loạt tại các địa phương trong cả nước vào ngày 30/6/2025 là sự kiện quan trọng mang tính lịch sử, ngày hội của non sông đất nước về tinh gọn bộ máy và sắp xếp đơn vị hành chính các cấp. Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Trung ương Đảng, đại diện lãnh đạo các ban Đảng Trung ương, các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ đã trực tiếp tham dự Lễ công bố góp phần tạo nên không khí hừng khởi, tin tưởng của Nhân dân và nâng cao quyết tâm, khí thế của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức để bộ máy mới hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn.

- Qua kết quả vận hành thử nghiệm mô hình hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày 20-30/6/2025, có thể thấy các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh/thành phố đã tích cực, chủ động triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh, thành phố. Việc tổ chức vận hành thử nghiệm được thực hiện trên phần lớn các ĐVHC cấp xã trong một khoản thời gian nhất định và đã đạt được một số kết quả khả quan. Qua đó, đã giúp cho cán bộ, công chức tiếp cận ngay các nhiệm vụ, quyền hạn phải triển khai thực hiện, đồng thời vận hành xử lý công việc trên môi trường điện tử thông qua các hệ thống: (1) Hệ thống Hội nghị trực tuyến tỉnh, thành phố; (2) phần mềm Hệ thống Quản lý văn bản của đảng, của chính quyền; (3) hệ thống thông tin báo cáo; (4) quy trình tiếp nhận, chuyển giao văn bản đi/đến trong hệ thống cơ quan đảng, chính quyền; (5)

hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; (6) việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố qua Hệ thống tổng đài,...Do vậy, đã bảo đảm vận hành được ngay và thông suốt khi chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025.

- Ngày 01/7/2025, bộ máy đơn vị hành chính 02 cấp chính thức đi vào hoạt động đã ghi dấu một một giai đoạn phát triển mới được mở ra với mục tiêu tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và gần dân hơn, phục vụ nhân dân tốt hơn. Các địa phương đã đồng loạt triển khai nhiều biện pháp để bảo đảm vận hành bộ máy hiệu quả, ổn định như bố trí phương tiện đi lại đưa đón cán bộ, công chức làm việc giữa các trụ sở hành chính trên địa bàn tỉnh, thành phố mới; tổ chức tập huấn, đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ (nhất là nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử) cho cán bộ, công chức cấp xã; bố trí cán bộ, công chức có kinh nghiệm hướng dẫn trực tiếp cho cán bộ, công chức mới tiếp nhận công việc,... Nhiều địa phương đã tổ chức vận hành thử nghiệm hiệu quả toàn bộ bộ máy, nhất là Trung tâm Phục vụ hành chính công. Qua báo cáo bước đầu của các địa phương, quá trình thử nghiệm và bước đầu vận hành chính thức cho thấy việc vận hành mô hình đơn vị hành chính 02 cấp cơ bản thông suốt, ổn định; các thủ tục hành chính được giải quyết nhanh chóng, không bị gián đoạn. Bước đầu vận hành chính thức bộ máy cấp xã mới, cho thấy đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở có quyết tâm cao hơn, trách nhiệm lớn hơn trong việc phấn đấu đưa quê hương, đất nước vươn mình phát triển.

- Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm và nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã đi kiểm tra thực tế việc vận hành chính thức của các cơ quan đơn vị hành chính cấp xã mới tại một số địa phương (Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải phòng...). Đây chính là minh chứng rõ nhất cho việc đổi mới, tinh gọn tổ chức bộ máy để lãnh đạo cấp cao đến gần dân, sát dân, đưa chính quyền cơ sở thực sự phục vụ và giải quyết nhanh nhất, tốt nhất các vấn đề từ thực tiễn đời sống nhân dân đặt ra. Việc đồng chí Tổng Bí thư trực tiếp xuống thăm và làm việc tại các xã, phường là nguồn động viên to lớn đối với đội ngũ cán bộ, công chức và Nhân dân.

- Bế mạc Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV cũng là dấu mốc quan trọng trong lịch sử lập Hiến, lập pháp. Kết quả của Kỳ họp là minh chứng sinh động của ý Đảng hợp với lòng dân, đáp ứng yêu cầu cấp thiết có tính tất yếu khách quan. Các quyết sách, đạo luật được thông qua tại Kỳ họp này có tính cách mạng, khởi đầu cho những cải cách thể chế một cách căn cơ, định hướng những nhiệm vụ cho giai đoạn phát triển mới của đất nước.

- Kết quả đạt được vừa qua cho thấy sự quyết tâm, nỗ lực không ngừng nghỉ và những đổi mới hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Chính phủ, Quốc hội và các cơ quan, ban Đảng Trung ương; sự vào cuộc quyết liệt của các địa phương; trong một thời gian ngắn, áp

lực cao, khối lượng công việc nhiều, khó, chưa có trong tiền lệ, quá trình thực hiện phát sinh nhiều vấn đề, nhưng cả hệ thống chính trị đã rất tập trung, chủ động, kiên định, đoàn kết, thống nhất hành động; nhiều cán bộ đã thể hiện được năng lực, trình độ, trách nhiệm, thích ứng nhanh với yêu cầu đổi mới, khắc phục khó khăn để giải quyết công việc vì đất nước, vì Nhân dân.

- Dư luận những ngày qua cho thấy cuộc cách mạng sắp xếp đơn vị hành chính không đơn thuần là thay đổi về địa giới hay tổ chức cán bộ, mà sâu xa là thay đổi tư duy, nâng cao trình độ, trách nhiệm và đạo đức công vụ. Đại đa số đội ngũ cán bộ, công chức đã thể hiện tinh thần cầu thị, tích cực học hỏi, rèn luyện chuyên môn và kỹ năng, luôn tận tâm, tận tụy với công việc.

2. Các nội dung cần quan tâm chỉ đạo

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, một số địa phương còn gặp khó khăn về cơ sở vật chất, chưa thể bố trí đảm bảo ngay các phương tiện như máy tính, máy in, phương tiện đi lại, đường truyền hệ thống thông tin điện tử còn bị gián đoạn,... gây ảnh hưởng đến việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân. Từ những khó khăn, vướng mắc, kinh nghiệm rút ra khi vận hành thử nghiệm và chính thức vừa qua, các địa phương cần tiếp tục khắc phục một số khó khăn, bất cập phát sinh khi vận hành bộ máy mới như: (1) Một số nơi trụ sở còn xuống cấp, phân tán, chưa thu về một mối; quy mô phòng họp ở một số nơi không đủ đáp ứng số lượng cán bộ, đảng viên tham dự hội nghị trực tiếp và trực tuyến; (2) Cán bộ còn thụ động, trông chờ, ỷ lại vào đội ngũ hỗ trợ khi triển khai ứng dụng phần mềm, công nghệ số trong xử lý công việc, giải quyết các thủ tục hành chính...; (3) Quá trình vận hành Trung tâm dịch vụ hành chính công cấp xã cần tiếp tục được quan tâm chỉ đạo và hướng dẫn cụ thể; (4) Số lượng kỹ sư công nghệ thông tin ở các đơn vị như VNPT, VIETTEL ký hợp đồng hỗ trợ giai đoạn đầu cho các xã, phường vẫn cần được bổ sung lực lượng; (5) Đường truyền kết nối một số địa phương còn chưa thông suốt, chia sẻ dữ liệu còn khó khăn do chưa đồng bộ...; (6) Cần tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền hơn nữa về an toàn, an ninh thông tin, về quyền lợi, nghĩa vụ của người dân khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến...

- Một số địa phương còn tồn tại tình trạng: (1) Chưa đủ số lượng ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân, chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân cấp xã so với số lượng được phê duyệt; (2) Thiếu công chức làm việc ở các phòng của ủy ban nhân dân cấp xã, phường; có tình phân bổ biên chế cho các xã ít, trong khi nhiệm vụ nhiều...

- Về giải quyết chế độ, chính sách khi thực hiện sắp xếp, tính đến ngày 30/6/2025, số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang được giải quyết chính sách, chế độ theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP là 57.158 người, trong đó có 43.207 người đã nghỉ việc (nghỉ hưu và nghỉ thôi việc) và có 25.611 người (tỷ lệ 62,39%) đã nhận tiền (không bao gồm lực lượng Công an và Quân đội) với tổng số tiền là

26.497 tỷ đồng (số còn lại chưa lĩnh tiền do người lao động đã có quyết định nhưng chưa đến thời điểm nghỉ, các cơ quan sẽ thực hiện việc thanh toán khi người lao động đến thời điểm nghỉ, bảo đảm đúng quy định của pháp luật).

- Một số văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn tổ chức thực hiện được xây dựng, ban hành trong thời gian ngắn với tinh thần "vừa chạy vừa xếp hàng" không tránh khỏi còn một số điểm chưa thống nhất cần được sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn áp dụng thống nhất, đồng bộ, đúng quy định. Các cơ quan chức năng ở Trung ương tiếp tục rà soát hệ thống các văn bản, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước để cập nhật các quan điểm, chỉ đạo mới; tham mưu sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản cho phù hợp thực tế. Trong đó: (1) Ban Tổ chức Trung ương phối hợp các cơ quan có liên quan tham mưu, xây dựng quy định của Bộ Chính trị về quy hoạch, bổ nhiệm, tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá cán bộ, danh mục chức danh cán bộ...; quy định của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan báo và phát thanh truyền hình cấp tỉnh; của trung tâm chính trị xã, phường, đặc khu...; (2) Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan chức năng của Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các địa phương để nghiên cứu, báo cáo Bộ Chính trị cho chủ trương để ban hành các quy định cụ thể hóa Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức; về tuyển dụng, sử dụng và quản lý, đánh giá, cho thôi việc cán bộ, công chức, viên chức để áp dụng chung trong hệ thống chính trị, bảo đảm nguyên tắc "có vào có ra", "có lên có xuống"...; (3) Các bộ, cơ quan liên quan hoàn thiện các văn bản quy định cụ thể để các địa phương ban hành quy trình điện tử chính thức phục vụ việc lưu trữ, đồng bộ dữ liệu của đơn vị cũ vào hệ thống mới; hoàn tất công bố quy trình thủ tục của các bộ chuyên ngành, các địa phương để các sở, ngành thuộc tỉnh chủ động ban hành dịch vụ công toàn trình.

- Khối lượng nhiệm vụ khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính là rất lớn, với thời gian ngắn, gấp; một số nhiệm vụ, quyền hạn lần đầu tiên được chuyển giao cho cấp xã thực hiện, dẫn đến quá trình thực hiện không tránh khỏi lúng túng, có độ trễ trong bảo đảm tiến độ và cần sự chỉ đạo, định hướng thường xuyên của cấp có thẩm quyền. Đề nghị Chính phủ tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương bảo đảm vận hành thông suốt, hiệu quả của cơ quan nhà nước ở địa phương sau ngày 01/7/2025, không để xảy ra tình trạng tắc nghẽn, gián đoạn ảnh hưởng đến hoạt động công vụ, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, doanh nghiệp; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, khắc phục ngay các sự cố nếu có.

- Việc triển khai chuyển đổi số ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn hạn chế về phương pháp, cơ chế, chính sách, hạ tầng, nhân lực. Cán bộ, công chức, viên chức được điều động từ cấp huyện về cấp xã hoặc từ các tỉnh sáp nhập về công tác tại trụ sở mới còn gặp khó khăn về nhà ở và phương tiện đi lại. Một số địa phương đã có phương án chuyển đổi trụ sở công đôi dư thành nhà ở công vụ nhưng còn khó khăn trong bố trí nguồn vốn để cải tạo, sửa chữa. Đề nghị Quốc hội, Chính phủ phối hợp các cơ quan, địa phương nghiên cứu, cân

đổi ngân sách để hỗ trợ các địa phương sau sắp xếp thực hiện nâng cấp trụ sở, đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất, khoa học công nghệ..., bảo đảm bộ máy hoạt động ổn định, thông suốt, cán bộ, người lao động yên tâm công tác.

- Đến nay, nhiều nội dung, nhiệm vụ về thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và xây dựng đơn vị hành chính 02 cấp theo Kế hoạch số 47-KH/BCĐ, ngày 14/4/2025 của Ban Chỉ đạo đã hoàn thành vượt tiến độ đề ra. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều nhiệm vụ cần phải tiếp tục thực hiện, Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết 18 sẽ ban hành Kế hoạch mới với nhiệm vụ, lộ trình giao trách nhiệm cho các cấp ủy, tổ chức đảng; yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương quán triệt, thực hiện nghiêm Kế hoạch.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Căn cứ tiến độ, kết quả triển khai thực hiện và yêu cầu thực tế công việc, Ban Tổ chức Trung ương kính đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư:

1. Yêu cầu Ban Thường vụ các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo: (1) Tất cả các công việc theo thẩm quyền của 2 cấp (tỉnh, xã) phải được thực hiện thông suốt, không để chậm trễ, không để sót việc, mục tiêu xuyên suốt là phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn. (2) Khẩn trương rà soát và hoàn thành toàn bộ công tác phân công, bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp xã; đối với những xã, phường, đặc khu thiếu cán bộ chuyên môn, cấp tỉnh phải bố trí, tăng cường kịp thời, đầy đủ, hỗ trợ, giúp đỡ để bảo đảm thực hiện công việc hiệu quả. (3) Tăng cường kiểm tra, nắm tình hình để kịp thời giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho cấp xã khi vận hành bộ máy mới. (4) Tiếp tục làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, giải quyết đầy đủ chế độ, chính sách cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động nghỉ hưu sớm, thôi công tác theo hướng dẫn của Trung ương; tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn để Nhân dân nắm được những quy định mới và địa điểm, cách thức làm việc mới của các cơ quan nhà nước ở địa phương; củng cố và duy trì sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân đối với việc triển khai đơn vị hành chính 02 cấp. (5) Phát huy tinh thần đoàn kết, nhất trí thực hiện thành công mô hình đơn vị hành chính 02 cấp, đảm bảo hệ thống tổ chức vận hành thông suốt, hiệu lực, hiệu quả; bảo vệ quyền lợi chính đáng của người dân; chăm lo an sinh xã hội và mở rộng cơ hội phát triển cho mọi tầng lớp nhân dân. (6) Chủ trì, phối hợp với Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan triển khai việc đưa đoàn viên thanh niên là sinh viên có kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin của các trường đại học, cao đẳng, thanh niên tình nguyện hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhân dân các xã, phường, đặc khu (nhất là vùng xa, vùng khó khăn) trong vận hành bộ máy, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, giải quyết thủ tục hành chính... trong giai đoạn đầu thực hiện mô hình đơn vị hành chính 02 cấp. (7)

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức thành công Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng gắn với chuẩn bị bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

2. Giao Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Quốc hội lãnh đạo, chỉ đạo: (1) Tiếp tục theo dõi, bố trí đủ kinh phí để giải quyết chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu sớm, thôi việc do sắp xếp; (2) Nghiên cứu, bổ sung kinh phí hỗ trợ cho các địa phương để đầu tư, nâng cấp trụ sở bảo đảm hiện đại, đáp ứng đầy đủ công năng cho bộ máy mới; xây dựng nhà công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức phải thay đổi chỗ ở sau sắp xếp; trang bị cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin và các điều kiện làm việc tại trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã theo hướng hiện đại để phục vụ cho các tổ chức, doanh nghiệp và công dân ngày càng tốt hơn, hiệu quả hơn.

3. Giao Đảng ủy Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo Đảng ủy Bộ Nội vụ: (1) Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan có liên quan nghiên cứu, báo cáo Bộ Chính trị cho chủ trương về một số nội dung liên quan đến quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức để áp dụng chung trong hệ thống chính trị, bảo đảm nguyên tắc “có vào có ra”...; (2) Phối hợp Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu, hoàn thiện và tổ chức triển khai thực hiện hệ thống danh mục vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị; (3) Phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan nghiên cứu, đề xuất việc thực hiện hệ thống lương và phụ cấp mới bảo đảm đồng bộ, thống nhất với lộ trình cải cách tiền lương khu vực công; (4) Khẩn trương tham mưu, hoàn thiện ban hành các quy định, hướng dẫn cụ thể hóa việc phân loại đơn vị hành chính xã, phường, đặc khu gắn với việc xác định chế độ, chính sách đối với từng loại hình đơn vị hành chính; (5) Rà soát, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng biên chế, số lượng cấp phó các cơ quan chuyên môn của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã để làm căn cứ tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền xây dựng, ban hành khung tiêu chuẩn chức danh, xác định tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức và quy định về số lượng biên chế, cấp phó giai đoạn 2026 - 2030 của các cơ quan, đơn vị bảo đảm phù hợp, gắn với vị trí việc làm.

4. Giao Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo: (1) Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại tổ chức đầu mối bên trong, trực thuộc Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, bảo đảm tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, gần dân, sát dân, bám cơ sở; (2) Kịp thời sắp xếp lại các hội quần chúng thật tinh gọn, giảm số lượng các hội quần chúng và báo chí trực thuộc; (3) Theo dõi, nắm tình hình triển khai hoạt động của mô hình Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội, các hội quần chúng theo mô hình đơn vị hành chính 2 cấp; chủ động đề xuất phương án căn cơ, hệ thống để giải quyết kịp thời khó khăn vướng mắc, đảm bảo hoạt động thông suốt đạt mục tiêu yêu cầu đề ra.

5. Giao Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ nghiên cứu, tham mưu, đề xuất, hướng dẫn giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ công đoàn chuyên trách làm việc theo chế độ hợp đồng (hưởng lương và phụ cấp từ nguồn kinh phí công đoàn) chịu ảnh hưởng bởi sắp xếp⁷.

6. Giao Ban Tổ chức Trung ương tiếp thu ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư, tiếp tục rà soát, bổ sung, cập nhật các nội dung, nhiệm vụ về sắp xếp tổ chức bộ máy, triển khai mô hình đơn vị hành chính 02 cấp để tham mưu Ban Chỉ đạo Trung ương tổng kết Nghị quyết 18 ban hành Kế hoạch triển khai nhiệm vụ về tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và chuẩn bị Đại hội đảng bộ các cấp (thay thế Kế hoạch số 47-KH/BCĐ, ngày 14/4/2025).

Ban Tổ chức Trung ương kính báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Đồng chí Trưởng Ban (để báo cáo),
- Các đồng chí Phó Trưởng Ban,
- Lưu VP, Vụ TC-ĐL.

**K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Quang Dương

⁷ Ý kiến đề xuất của đồng chí Đặng Ngọc Tùng, nguyên ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam gửi đồng chí Tổng Bí thư ngày 28/6/2025.

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 5571 /BXD-KHTC
V/v triển khai thực hiện Nghị định
số 153/2025/NĐ-CP, Nghị định số
155/2025/NĐ-CP của Chính phủ
và Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg
của Thủ tướng Chính phủ

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2025

Kính gửi: Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Xây dựng

Bộ Xây dựng nhận được văn bản số 8516/BTC-QLCS ngày 17/6/2025 của Bộ Tài chính về việc triển khai thực hiện (1) Nghị định số 153/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; (2) Nghị định số 155/2025/NĐ-CP ngày 16/6/2025 quy định tiêu chuẩn, định mức trụ sở làm việc (thay thế Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27/12/2017 của Chính phủ); (3) Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị (thay thế Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ), có hiệu lực thi hành kể từ ngày **01/7/2025**. Để triển khai kịp thời, hiệu quả các quy định nêu trên, Bộ Xây dựng đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ tập trung chỉ đạo triển khai đầy đủ các nhiệm vụ, trách nhiệm được giao theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trong đó lưu ý một số nội dung sau:

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định tại Nghị định số 153/2025/NĐ-CP, Nghị định số 155/2025/NĐ-CP và Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg tới các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan, đảm bảo các đối tượng chịu sự tác động của văn bản nắm bắt đầy đủ, chính xác, kịp thời nội dung chính sách để triển khai thực hiện đúng quy định.

2. Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm được quy định tại Nghị định 153/2025/NĐ-CP, Nghị định số 155/2025/NĐ-CP và Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg.

3. Đối với quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 153/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe phục vụ công tác chung để phù hợp với tổ chức bộ máy của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Tập trung rà soát đảm bảo tiêu chuẩn, định mức xe ô tô phục vụ công tác chung, xe

ô tô chuyên dùng; lập phương án xử lý xe dôi dư; đề xuất ban hành tiêu chuẩn, định mức ô tô...

Bộ Xây dựng thông báo đến các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, triển khai thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BT. Bộ Xây dựng (để b/c);
- TT. Nguyễn Việt Hùng (để b/c);
- VT Vụ KHTC (để b/c);
- Lưu VT, KHTC.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Trịnh Quốc Cường
Trịnh Quốc Cường



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 153/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP
ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định
tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý Thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 2 như sau:

“a) Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội; các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ được hỗ trợ xe theo quy định tại Nghị định này), đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).”.

2. Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 3 và bổ sung khoản 10 vào Điều 3 như sau:

“4a. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xác định trách nhiệm, thẩm quyền quy định tại Nghị định này là cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định điểm b khoản 6 Điều 8 Nghị định này.

10. Các hội quần chúng tự đảm bảo xe ô tô phục vụ hoạt động bằng kinh phí của hội theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của tổ chức.

Việc quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô được Nhà nước hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7, khoản 7 Điều 9, khoản 6 Điều 11 Nghị định này được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự, pháp luật có liên quan và Điều lệ của tổ chức. Không bán, chuyển nhượng, thanh lý hoặc các hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với xe ô tô được Nhà nước hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này khi chưa đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 5 và khoản 6 Điều 8 như sau:

“2. Các đối tượng sau đây được sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung để thực hiện chức trách, nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị giao (không sử dụng để đưa, đón từ nơi ở đến cơ quan và ngược lại):

a) Các chức danh, chức vụ có hệ số phụ cấp chức vụ hoặc lương chức vụ cao hơn chức danh Cục trưởng, Vụ trưởng và tương đương nhưng không đủ điều kiện được sử dụng xe ô tô chức danh quy định tại các Điều 4, 5, 6 và 7 Nghị định này.

b) Cục trưởng, Vụ trưởng và tương đương; Phó Cục trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương.

c) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trừ thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh).

d) Giám đốc, Phó Giám đốc sở và tương đương cấp tỉnh.

đ) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc cục, đơn vị và tổ chức tương đương (không phải là đơn vị sự nghiệp công lập) được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh, thành phố.

e) Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; Phó Bí thư, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

g) Ủy viên (Thành viên) Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc tập đoàn kinh tế; Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc và các chức danh tương đương tại doanh nghiệp nhà nước.

h) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được giao thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cụ thể được quy định tại Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

5. Ngoài số xe ô tô đã được xác định theo quy định tại các Điều 9, 11 và 11a Nghị định này, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, vận chuyển máy móc, thiết bị, mẫu thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, quản lý thị trường thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, địa phương đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

6. Phân bổ (điều hòa) số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Không thực hiện phân bổ số lượng xe ô tô của các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 5 Điều này.

b) Căn cứ tổng số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại các Điều 9, 11, 11a, điểm a khoản 1 Điều 14 và khoản 7 Điều 3 Nghị định này (trừ các đơn vị quy định tại điểm a khoản này, khoản 3 Điều 9 Nghị định này), cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phân bổ số lượng xe ô tô cụ thể như sau:

b1) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho từng cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương.

b2) Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

b3) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho từng cục, vụ và tổ chức tương đương, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương.

b4) Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho từng cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy (không bao gồm Đảng ủy cấp xã).

b5) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho từng Văn phòng cấp tỉnh (trừ Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy); từng sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, từng tổ chức chính trị - xã hội; từng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; từng xã (bao gồm Đảng ủy cấp xã).

b6) Việc phân bổ theo nguyên tắc số lượng xe ô tô được phân bổ của từng cơ quan, đơn vị có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số lượng xe ô tô được xác định theo quy định tại Điều 9, 11, 11a, điểm a khoản 1 Điều 14 và khoản 7 Điều 3 Nghị định này (trừ các đơn vị quy định tại điểm a khoản này, khoản 3 Điều 9 Nghị định này) nhưng bảo đảm tổng số xe sau khi phân bổ của tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị này không vượt quá tổng số lượng xe được xác định theo quy định tại Điều 9, 11, 11a, điểm a khoản 1 Điều 14 và khoản 7 Điều 3 Nghị định này (trừ số lượng xe của các đơn vị quy định tại điểm a khoản này, khoản 3 Điều 9 Nghị định này). Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị thuộc, trực thuộc có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng thì cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm này quyết định phân bổ số lượng xe cho từng đơn vị thuộc, trực thuộc của cơ quan, tổ chức, đơn vị khi thực hiện phân bổ theo quy định tại điểm này.

c) Căn cứ tổng số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này, Cục trưởng và tương đương quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cho từng cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo nguyên tắc số lượng xe ô tô được phân bổ của từng cơ quan, đơn vị có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số lượng xe ô tô được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này nhưng bảo đảm tổng số xe sau khi phân bổ của tất cả các cơ quan, đơn vị này không vượt quá tổng số lượng xe xác định theo khoản 3 Điều 9 Nghị định này.

d) Số lượng xe sau khi được phân bổ tại điểm b, điểm c khoản này là định mức về số lượng sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị; được sử dụng làm một trong các căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách, giao, mua sắm, bố trí, khoán kinh phí sử dụng, thuê dịch vụ xe ô tô; quản lý, sử dụng và xử lý xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

đ) Quyết định phân bổ số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung tại điểm b, điểm c khoản này được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, vụ và tổ chức tương đương thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương

1. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương; Văn phòng Đảng ủy các cơ quan Đảng ở trung ương; Văn phòng Đảng ủy Quốc hội; Văn phòng Đảng ủy Chính phủ; Văn phòng Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể trung ương được xác định như sau:

- a) Đơn vị có số biên chế đến 20 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.
- b) Đơn vị có số biên chế từ trên 20 người đến 40 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.
- c) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.
- d) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.
- đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe.

2. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, vụ và tổ chức tương đương không tổ chức theo ngành dọc (không phải là đơn vị sự nghiệp công lập) được xác định như sau:

- a) Đơn vị có số biên chế đến 20 người: Tối đa 01 xe/02 đơn vị; trường hợp số lượng xe là số thập phân thì xác định số lượng xe theo phần nguyên.
- b) Đơn vị có số biên chế từ trên 20 người đến 40 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.
- c) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.
- d) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.
- đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe.
- e) Trường hợp cục và tổ chức tương đương có các đơn vị (trung tâm và các cơ quan, đơn vị khác) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng trực thuộc cục và tổ chức tương đương:

e1) Đối với đơn vị có số biên chế dưới 20 người thì tổng hợp biên chế của các đơn vị này vào biên chế của cục và tương đương để xác định định mức của cục và tổ chức tương đương theo quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này.

e2) Đối với đơn vị có số biên chế từ 20 người trở lên thì không tổng hợp biên chế của các đơn vị này vào biên chế của cục và tương đương để xác định định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này; số xe ô tô của đơn vị được xác định tại tiết này được cộng vào định mức tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này của cục và tổ chức tương đương và được xác định như sau:

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo): Định mức xác định theo khoản 5 Điều này.

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo: Định mức xác định theo khoản 6 Điều này.

Đối với các đơn vị còn lại xác định như sau: Đơn vị có số biên chế từ 20 người đến 50 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe.

3. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, đơn vị và tổ chức tương đương (không phải là đơn vị sự nghiệp công lập) được tổ chức theo ngành dọc thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương.

a) Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, đơn vị và tổ chức tương đương được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này trên cơ sở tổng số lượng biên chế của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc (trừ các đơn vị tại điểm b khoản này), trường hợp có đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng mà có biên chế từ 20 người trở lên thì thực hiện theo quy định tại tiết e2 điểm e khoản 2 Điều này.

b) Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc cục, đơn vị và tổ chức tương đương đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh, thành phố được xác định như sau:

b1) Đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

b2) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

b3) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

b4) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe.

b5) Trường hợp đơn vị có đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn từ 450 km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên thì không tính số biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn từ 450 km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên vào biên chế của đơn vị để xác định định mức của đơn vị theo số lượng biên chế quy định tại các tiết b1, b2, b3 và b4 điểm này. Ngoài số lượng xe xác định theo số lượng biên chế của đơn vị tại các tiết b1, b2, b3 và b4 điểm này, đơn vị được bổ sung số lượng xe tối đa bằng số lượng đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn từ 450 km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên.

b6) Ngoài định mức xác định theo quy định tại các tiết b1, b2, b3, b4 và b5 điểm này, đơn vị được bổ sung số lượng xe như sau:

Trường hợp đơn vị được giao quản lý 01 tỉnh/thành phố có diện tích tự nhiên từ 9.000 km² đến dưới 12.000 km² thì được bổ sung tối đa 01 xe; từ 12.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị.

Trường hợp đơn vị được giao quản lý liên tỉnh, thành phố: Ngoài tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính, cứ 01 tỉnh, thành phố được giao quản lý tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị; đồng thời, đơn vị được bổ sung số lượng xe tối đa nếu địa bàn được giao quản lý có diện tích tự nhiên từ 15.000 km² đến dưới 18.000 km² là 01 xe/đơn vị, từ 18.000 km² đến dưới 21.000 km² là 02 xe/đơn vị, từ 21.000 km² đến dưới 24.000 km² là 03 xe/đơn vị, từ 24.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị.

Trường hợp địa bàn được giao quản lý có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị.

Trường hợp đơn vị có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị.

Đơn vị đáp ứng tiêu chí nào thì được bổ sung số lượng xe tối đa tương ứng với các tiêu chí đó; trường hợp đơn vị đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe được bổ sung xác định theo các tiêu chí.

c) Định mức của cục, đơn vị và tổ chức tương đương là tổng định mức của điểm a và điểm b khoản này.

4. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của cục, vụ và tổ chức tương đương thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương mà bộ, cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc.

a) Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cục, vụ và tổ chức tương đương (trừ các đơn vị tại điểm b khoản này) được xác định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

b) Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn cấp tỉnh hoặc liên tỉnh, thành phố được xác định như sau:

b1) Đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

b2) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

b3) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

b4) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe.

b5) Trường hợp đơn vị có đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn từ 450 km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên thì không tính số biên chế của các đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn từ 450 km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên vào biên chế của đơn vị để xác định định mức của đơn vị theo số lượng biên chế quy định tại các tiết b1, b2, b3 và b4 điểm này. Ngoài số lượng xe xác định theo số lượng biên chế của đơn vị tại các tiết b1, b2, b3 và b4 điểm này, đơn vị được bổ sung số lượng xe tối đa bằng số lượng đơn vị thuộc, trực thuộc được giao quản lý địa bàn từ 450 km² trở lên hoặc từ 10 xã trở lên.

b6) Ngoài định mức xác định theo quy định tại các tiết b1, b2, b3, b4 và b5 điểm này, đơn vị được bổ sung số lượng xe như sau:

Trường hợp đơn vị được giao quản lý 01 tỉnh có diện tích tự nhiên từ 9.000 km² đến dưới 12.000 km² thì được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị; từ 12.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị.

Trường hợp đơn vị được giao quản lý liên tỉnh, thành phố: Ngoài tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính, cứ 01 tỉnh, thành phố được giao quản lý tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị; đồng thời, đơn vị được bổ sung số lượng xe tối đa nếu địa bàn được giao quản lý có diện tích tự nhiên từ 12.000 km² đến dưới 15.000 km² là 01 xe/đơn vị, từ 15.000 km² đến dưới 18.000 km² là 02 xe/đơn vị, từ 18.000 km² đến dưới 21.000 km² là 03 xe/đơn vị, từ 21.000 km² đến dưới 24.000 km² là 04 xe/đơn vị, từ 24.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị.

Trường hợp địa bàn được giao quản lý có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị.

Trường hợp đơn vị có trụ sở chính đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị.

Đơn vị đáp ứng tiêu chí nào thì được bổ sung số lượng xe tối đa tương ứng với các tiêu chí đó; trường hợp đơn vị đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe được bổ sung xác định theo các tiêu chí.

5. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) được xác định như sau:

- a) Đơn vị có số biên chế từ 50 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.
- b) Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.
- c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.
- d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 500 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.
- đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.
- e) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.
- g) Trường hợp đơn vị có các đơn vị (trung tâm, viện và các đơn vị khác) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng thuộc, trực thuộc đơn vị thì việc xác định định mức theo nguyên tắc quy định tại điểm e khoản 2 Điều này.

6. Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc bộ, cơ quan trung ương thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo được xác định như sau:

- a) Đơn vị có số biên chế từ 100 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.
- b) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 300 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.
- c) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 500 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.
- d) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.
- đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người đến 2.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.
- e) Đơn vị có số biên chế từ trên 2.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.

g) Trường hợp đơn vị có các đơn vị (trung tâm, viện và các đơn vị khác) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng thuộc, trực thuộc đơn vị thì việc xác định định mức theo nguyên tắc quy định tại điểm e khoản 2 Điều này.

7. Xe ô tô phục vụ công tác chung của các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương

Trường hợp hội chưa có xe ô tô phục vụ công tác chung hoặc tất cả các xe ô tô hiện có (trừ xe ô tô chức danh của Chủ tịch các hội quần chúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định này) đã đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này mà hội thuộc trường hợp được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao theo quy định của pháp luật về Mặt trận tổ quốc Việt Nam, về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và pháp luật có liên quan, tùy theo khả năng ngân sách và nguồn xe ô tô hiện có, hội được xem xét, hỗ trợ:

a) Kinh phí để mua xe ô tô từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành hoặc hỗ trợ bằng hiện vật như sau: Đối với các hội có số biên chế được giao từ 20 người đến 50 người được hỗ trợ 01 xe; đối với các hội có số biên chế được giao từ trên 50 người trở lên được hỗ trợ tối đa 02 xe.

Mức kinh phí hỗ trợ để mua xe không quá mức giá xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này. Trường hợp hỗ trợ bằng hiện vật thì thực hiện theo hình thức điều chuyển, giá trị còn lại của xe ô tô điều chuyển không vượt quá mức giá quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này.

Việc hỗ trợ kinh phí để mua xe ô tô được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Việc điều chuyển xe ô tô được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

b) Đối với các hội có số biên chế được giao dưới 20 người được hỗ trợ kinh phí để thuê xe hoặc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Xe ô tô phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh

1. Định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng cấp tỉnh (gồm: Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) xác định như sau:

a) Đối với thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh:

a1) Tối đa 10 xe/Văn phòng.

a2) Trường hợp Văn phòng cấp tỉnh có đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng mà có số biên chế từ 20 người trở lên thì số xe ô tô được xác định tại tiết này được cộng vào định mức của Văn phòng cấp tỉnh tại tiết a1 điểm này và được xác định như sau:

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo): Định mức xác định theo khoản 4 Điều này.

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo: Định mức xác định theo khoản 5 Điều này.

Đối với các đơn vị còn lại xác định như sau: Đơn vị có số biên chế từ 20 người đến 50 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị. Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe.

b) Đối với các tỉnh, thành phố còn lại:

b1) Đối với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích dưới 5.000 km²: 05 xe/Văn phòng;

b2) Ngoài số xe xác định theo quy định tại tiết b1 điểm này, trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích từ 5.000 km² đến dưới 8.000 km² được bổ sung tối đa 01 xe/Văn phòng; từ 8.000 km² đến dưới 11.000 km² được bổ sung tối đa 02 xe/Văn phòng; từ 11.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/Văn phòng.

b3) Trường hợp Văn phòng cấp tỉnh có đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng có số biên chế từ 20 người trở lên thì số xe ô tô được xác định tại tiết này được cộng vào định mức của Văn phòng cấp tỉnh tại tiết b1, b2 và được xác định như tiết a2 điểm a khoản này.

b4) Ngoài định mức xác định theo quy định tại các tiết b1, b2 và b3 điểm này, mỗi Văn phòng được bổ sung số lượng xe như sau:

Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì được bổ sung tối đa 01 xe/Văn phòng.

Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung tối đa 01 xe/Văn phòng.

Văn phòng đáp ứng tiêu chí nào thì được bổ sung số lượng xe tối đa tương ứng với các tiêu chí đó; trường hợp Văn phòng đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe xác định theo các tiêu chí.

c) Trường hợp Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy phục vụ chung cho các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, Thành ủy thì định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy bao gồm cả số xe theo quy định tại khoản này và số xe quy định tại khoản 2 Điều này.

d) Các ban thuộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sử dụng xe ô tô trong định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản này để phục vụ công tác.

2. Định mức xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy (trừ Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy, Đảng ủy cấp xã) được xác định như sau:

- a) Đơn vị có số biên chế đến 20 người: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.
- b) Đơn vị có số biên chế từ trên 20 người đến 40 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.
- c) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.
- d) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.
- đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người trở lên thì cứ 50 biên chế tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe.
- e) Ngoài định mức xác định theo quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này, đơn vị được bổ sung số lượng xe như sau:
 - e1) Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên từ 9.000 km² đến 12.000 km² thì được bổ sung tối đa 01 xe; từ 12.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị.
 - e2) Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị.
 - e3) Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị.
 - e4) Đơn vị đáp ứng tiêu chí nào thì được bổ sung số lượng xe tối đa tương ứng với các tiêu chí đó; trường hợp đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng

xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe xác định theo các tiết e1, e2 và e3 điểm này.

3. Định mức sử dụng xe ô tô của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh) (không phải là các đơn vị quy định tại các khoản 1, 2, 4 và 5 Điều này).

a) Định mức sử dụng xe ô tô của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh)

a1) Đơn vị có số biên chế từ 40 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.

a2) Đơn vị có số biên chế từ trên 40 người đến 80 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.

a3) Đơn vị có số biên chế từ trên 80 người đến 120 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.

a4) Đơn vị có số biên chế từ trên 120 người đến 200 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.

a5) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người trở lên thì cứ 100 biên chế tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe.

a6) Ngoài định mức xác định theo quy định tại các tiết a1, a2, a3, a4 và a5 điểm này, đơn vị được bổ sung số lượng xe như sau:

Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có diện tích tự nhiên từ 9.000 km² đến dưới 12.000 km² thì được bổ sung tối đa 01 xe; từ 12.000 km² trở lên thì cứ 3.000 km² tăng thêm được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị.

Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trên 50% số đơn vị hành chính cấp xã thuộc danh mục địa bàn miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị.

Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tự cân đối được ngân sách nhà nước thì được bổ sung tối đa 01 xe/đơn vị.

Đơn vị đáp ứng tiêu chí nào thì được bổ sung số lượng xe tối đa tương ứng với các tiêu chí đó; trường hợp đơn vị đáp ứng nhiều tiêu chí thì số lượng xe tối đa được bổ sung là tổng số lượng xe được bổ sung xác định theo các tiêu chí.

b) Trường hợp sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh) có các đơn vị (Chi cục, trung tâm và các cơ quan, đơn vị khác) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng trực thuộc sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh):

b1) Đối với đơn vị có số biên chế dưới 20 người thì tổng hợp biên chế của các đơn vị này vào biên chế của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để xác định định mức của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh theo quy định tại các tiết a1, a2, a3, a4 và a5 điểm a khoản này.

b2) Đối với đơn vị có số biên chế từ 20 người trở lên thì không tổng hợp biên chế của các đơn vị này vào biên chế của sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh để xác định định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại các tiết a1, a2, a3, a4 và a5 điểm a khoản này; số xe ô tô được xác định tại tiết này được cộng vào định mức của Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và được xác định như tiết a2 điểm a khoản 1 Điều này.

4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) được xác định như sau:

- a) Đơn vị có số biên chế từ 50 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.
- b) Đơn vị có số biên chế từ trên 50 người đến 100 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.
- c) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 200 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.
- d) Đơn vị có số biên chế từ trên 200 người đến 500 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.
- đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.
- e) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/đơn vị.
- g) Trường hợp đơn vị có các đơn vị (trung tâm, viện và các đơn vị khác) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng thuộc, trực thuộc đơn vị thì việc xác định định mức theo nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

5. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo được xác định như sau:

- a) Đơn vị có số biên chế từ 100 người trở xuống: Tối đa 01 xe/01 đơn vị.
- b) Đơn vị có số biên chế từ trên 100 người đến 300 người: Tối đa 02 xe/01 đơn vị.
- c) Đơn vị có số biên chế từ trên 300 người đến 500 người: Tối đa 03 xe/01 đơn vị.
- d) Đơn vị có số biên chế từ trên 500 người đến 1.000 người: Tối đa 04 xe/01 đơn vị.
- đ) Đơn vị có số biên chế từ trên 1.000 người đến 2.000 người: Tối đa 05 xe/01 đơn vị.
- e) Đơn vị có số biên chế từ trên 2.000 người trở lên: Tối đa 06 xe/01 đơn vị.
- g) Trường hợp đơn vị có các đơn vị (trung tâm, viện và các đơn vị khác) có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng thuộc, trực thuộc đơn vị thì việc xác định định mức theo nguyên tắc quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

6. Xe ô tô phục vụ công tác chung của các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở địa phương thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 9 Nghị định này.”.

6. Bổ sung Điều 11a vào sau Điều 11 như sau:

“Điều 11a. Xe ô tô phục vụ công tác chung của cấp xã

Định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung: Tối đa 02 xe/xã.”.

7. Bổ sung Điều 14a vào sau Điều 14 như sau:

“Điều 14a. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung

a) Phương thức quản lý tập trung: Giao cho một cơ quan nhà nước hoặc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp công ích thực hiện quản lý xe ô tô theo phương thức tập trung để bố trí cho các đối tượng được sử dụng xe phục vụ công tác chung theo nguyên tắc không thành lập mới, không làm tăng biên chế của Văn phòng Trung ương Đảng, bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng xe ô tô thanh toán cho đơn vị được giao quản lý tập trung các chi phí quản lý, vận hành xe ô tô tương tự trường hợp sử dụng chung tài sản công theo quy định của pháp

luật về quản lý, sử dụng tài sản công. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị (được xác định theo điểm b, điểm c khoản 6 Điều 8 Nghị định này) để thực hiện việc quản lý, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung được quản lý theo phương thức tập trung tại điểm này.

b) Phương thức quản lý trực tiếp: Giao cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để phục vụ công tác chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị; trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định việc bố trí sử dụng cho phù hợp.

c) Kết hợp các phương thức quản lý tập trung và phương thức quản lý trực tiếp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

2. Thẩm quyền quyết định phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung:

a) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với các cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương.

b) Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

d) Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy quyết định đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, luật khác có liên quan đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 như sau:

“2. Trường hợp cần trang bị một số xe ô tô có công suất lớn trong số xe phục vụ công tác chung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9, khoản 1 Điều 11 Nghị định này để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù của các cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (gồm: phục vụ công tác phòng chống bão lũ, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, kiểm soát dịch bệnh; phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại; phục vụ công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện về các lĩnh vực kinh tế - văn hóa - xã hội; phục vụ các

đoàn giám sát, tiếp xúc cử tri; phục vụ công tác đối ngoại, tiếp khách quốc tế, đưa đón, tháp tùng đoàn trong và ngoài nước đến làm việc; chỉ đạo hoạt động quản lý, cấm mốc biên giới và các nhiệm vụ đặc thù khác) thì mức giá mua xe được quy định như sau:

a) Mỗi bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được trang bị 01 xe với mức giá tối đa là 4.500 triệu đồng/xe và 02 xe với mức giá tối đa là 2.800 triệu đồng/xe.

b) Đối với các cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương, bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có các chức danh quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này, ngoài số xe có mức giá theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương, bộ, cơ quan trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được trang bị xe ô tô phục vụ thực hiện nhiệm vụ đặc thù của các chức danh quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định này với mức giá tối đa là 5.000 triệu đồng/xe. Số lượng xe cụ thể được áp dụng mức giá này do Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định sau khi có ý kiến thống nhất của đồng chí Thường trực Ban Bí thư (đối với các chức danh thuộc các cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương), Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định (đối với các trường hợp còn lại).

Trường hợp số lượng xe ô tô phục vụ nhiệm vụ đặc thù quy định tại điểm này đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP thì thực hiện theo nội dung đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, không phải báo cáo lại cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại điểm này; trừ trường hợp cần điều chỉnh số lượng xe ô tô đã được phê duyệt.”

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 16 như sau:

“3. Xe ô tô gắn thiết bị chuyên dùng (thiết bị chuyên dùng được gắn cố định với xe) hoặc xe ô tô được gắn biển hiệu nhận biết theo quy định của pháp luật (xe gắn thiết bị thu, phát vệ tinh; xe phát thanh truyền hình lưu động; xe thanh tra giao thông; xe phục vụ tang lễ; xe giám sát hải quan; xe đào tạo, tập lái, sát hạch xe ô tô, xe hộ tống tiền, xe phòng chống thiên tai, xe gắn thiết bị quan trắc môi trường,...).

3a. Xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử và an toàn bức xạ và hạt nhân, gồm:

a) Xe ô tô chở nguồn phóng xạ; xe chở rác thải phóng xạ (đã qua sử dụng). Xe ô tô chở nguồn (rác thải) phóng xạ có kết cấu đặc biệt để đảm bảo an toàn, an ninh phóng xạ trong quá trình hoạt động.

b) Xe ô tô chuyên dùng có kết cấu đặc biệt sử dụng trong lĩnh vực ứng phó sự cố hạt nhân: Xe chở các thiết bị chuyên dùng (thiết bị quan trắc phóng xạ, thiết bị tẩy, khử xạ...); xe chở các thiết bị chiếu xạ.

c) Xe chuyên dùng có các yêu cầu đặc thù riêng hoạt động trong các cơ sở hạt nhân (cơ sở bức xạ).”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 26 như sau:

“3. Văn phòng Trung ương Đảng, các cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương, địa phương, tập đoàn kinh tế có trách nhiệm:

a) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô và việc thực hiện quy định tại Nghị định này; xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng xe ô tô theo quy định của pháp luật.

Tổ chức xác định số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung được sử dụng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Nghị định này, thông báo cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý và Bộ Tài chính được biết. Các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ là đơn vị dự toán cấp I cũng phải thực hiện theo quy định này.

Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.

b) Chỉ đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức và xử lý xe ô tô dôi dư, thanh lý xe ô tô khi đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này; bố trí, sắp xếp đội ngũ lái xe khi xử lý xe ô tô dôi dư theo quy định của pháp luật về lao động; hạch toán và công khai chi phí sử dụng xe ô tô, chi phí khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác theo quy định của pháp luật; cập nhật dữ liệu về xe ô tô vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo quy định.

3a. Thanh tra Chính phủ và các cơ quan có chức năng thanh tra có trách nhiệm:

a) Tổ chức thanh tra việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô và việc thực hiện quy định tại Nghị định này;

b) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 2. Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ, điểm, khoản, điều của Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định sử dụng xe ô tô

1. Bổ sung cụm từ sau đây:

a) Bổ sung cụm từ “Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,” vào trước cụm từ “Các bộ,” tại điểm a khoản 1 Điều 17; vào trước từ “Bộ,” tại điểm a khoản 2 Điều 17.

b) Bổ sung cụm từ “Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam” vào trước từ “bộ,” tại khoản 4 Điều 17.

2. Thay thế một số cụm từ sau đây:

a) Thay cụm từ “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy)” thành “Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương), Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)” tại điểm b khoản 4 Điều 1.

b) Thay thế cụm từ “bộ, cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh),” thành “Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh,” tại điểm a khoản 5 Điều 3.

c) Thay thế cụm từ “các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” thành “Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại khoản 6 Điều 3.

d) Thay cụm từ “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh,” thành “Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” tại khoản 8 Điều 3, khoản 2 Điều 7.

đ) Thay thế cụm từ “Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương (đối với các tổ chức hội có đảng đoàn)” thành “Chủ tịch các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương được xem xét, hỗ trợ xe chức danh tại điểm này nếu thuộc trường hợp được hỗ trợ hoặc bố trí về kinh phí, tài sản theo quy định của pháp luật về Mặt trận tổ quốc

Việt Nam, về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và pháp luật có liên quan;" tại điểm a khoản 1 Điều 7.

e) Thay thế cụm từ "Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định việc trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương." thành "Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc trang bị xe ô tô phục vụ hoạt động của từng dự án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý." tại điểm b khoản 2 Điều 14.

g) Thay cụm từ "Khi đàm phán để ký kết văn kiện dự án viện trợ không hoàn lại từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà nhà tài trợ yêu cầu phải mua sắm xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án thì ngoài việc tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục ký kết, gia nhập và thực hiện Điều ước quốc tế, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì lấy ý kiến của cơ quan tài chính nhà nước cùng cấp trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương tiếp nhận dự án" thành cụm từ "Việc đàm phán để ký kết văn kiện dự án viện trợ không hoàn lại từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà nhà tài trợ yêu cầu phải mua sắm xe ô tô phục vụ hoạt động dự án thực hiện theo quy định về trình tự, thủ tục ký kết, gia nhập và Điều ước quốc tế" tại điểm c khoản 2 Điều 14.

h) Thay cụm từ "Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" thành "Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh," khoản 1 Điều 15.

i) Thay cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy)" thành "Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 17.

k) Thay thế cụm từ "Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi có ý kiến của các cơ quan theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, Thành ủy), Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị các tập đoàn kinh tế quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định" thành "Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị các tập đoàn kinh tế quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định" tại khoản 7, điểm b khoản 9, điểm b khoản 10 Điều 21.

3. Bỏ các cụm từ sau đây:

a) Bỏ cụm từ "Khi giá xe ô tô phổ biến trên thị trường tăng, giảm trên 15%

so với các mức giá quy định tại Nghị định này, Bộ trưởng Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh giá mua xe ô tô quy định tại Nghị định này cho phù hợp” tại điểm a khoản 5 Điều 3.

b) Bỏ cụm từ “Trường hợp cần thiết, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng sau khi có ý kiến thống nhất của đồng chí Thường trực Ban Bí thư (đối với trường hợp giao, điều chuyển xe ô tô của cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương), Thủ tướng Chính phủ theo đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan (đối với trường hợp còn lại) xem xét, quyết định giao, điều chuyển xe ô tô đã qua sử dụng có giá trị còn lại hoặc giá trị đánh giá lại cao hơn trên 15% mức giá mua xe tối đa quy định cụ thể tại Nghị định này.” tại điểm b khoản 5 Điều 3.

c) Bỏ cụm từ “cơ quan quản lý thị trường,” “, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh” và cụm từ “Trường hợp có thay đổi về cơ cấu, tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các trường hợp cần thiết khác, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng phê duyệt (sau khi có ý kiến thống nhất của đồng chí Thường trực Ban Bí thư) tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, đơn vị của Đảng ở Trung ương; Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Thanh tra Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh báo cáo Thủ tướng Chính phủ phê duyệt số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao.” tại khoản 7 Điều 3.

d) Bỏ cụm từ “chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ” tại khoản 2 Điều 18.

đ) Bỏ cụm từ “báo cáo Thủ tướng Chính phủ” tại khoản 2 Điều 19.

e) Bỏ cụm từ “thống nhất với Bộ Tài chính để” tại khoản 3 Điều 19.

g) Bỏ cụm từ “Đối với các bộ, cơ quan trung ương, tổng cục được tổ chức theo ngành dọc tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trường hợp sau khi sắp xếp lại, xử lý xe ô tô theo quy định mà số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Nghị định này thấp hơn số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung cộng với xe ô tô bán tải, xe ô tô chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ đặc thù đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định hiện có thì được tiếp tục quản lý, sử dụng số xe ô tô hiện có để phục vụ công tác. Khi đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này, cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện thanh lý theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết có liên quan, bảo đảm số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung theo định mức quy định tại Nghị định này.” tại khoản 4 Điều 25.

h) Bỏ cụm từ “sau khi có ý kiến của các cơ quan liên quan” tại khoản 4 Điều 26.

4. Bãi bỏ khoản 2 Điều 5, Điều 10, Điều 12, Điều 20, điểm a khoản 1 Điều 21, điểm b khoản 1 Điều 22.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương, địa phương được sử dụng quy định tiêu chuẩn, định mức tại Nghị định này để xây dựng phương án, quyết định, tổ chức việc bố trí, sắp xếp, xử lý xe ô tô khi thực hiện sắp xếp tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị và xây dựng, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp kể từ ngày Nghị định này được ký ban hành.

2. Điều khoản chuyển tiếp

a) Các chức danh là Tổng cục trưởng và tương đương đã được trang bị xe ô tô phục vụ chức danh theo đúng quy định tại Nghị định số 72/2023/NĐ-CP mà sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy không còn đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô chức danh thì thực hiện sắp xếp lại, xử lý xe chức danh đã trang bị theo quy định tại Điều 23 Nghị định này; trường hợp được bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ trong một thời gian theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ) thì được tiếp tục sử dụng xe ô tô chức danh đã trang bị trong thời gian được bảo lưu hệ số phụ cấp chức vụ.

b) Các trường hợp hợp nhất, sáp nhập khi thực hiện sắp xếp lại tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị mà cơ quan, tổ chức, đơn vị nhận sáp nhập, cơ quan, tổ chức, đơn vị được hình thành sau khi hợp nhất có số xe ô tô phục vụ công tác chung công suất lớn cao hơn số lượng xe ô tô quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này do được tiếp nhận tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy thì được tiếp tục quản lý, sử dụng số xe ô tô hiện có để phục vụ công tác. Khi đủ điều kiện thanh lý theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này hoặc thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thì cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện xử lý xe ô tô theo quy định, bảo đảm số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung theo định mức quy định tại Nghị định này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị các tập đoàn kinh tế, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). 118

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hồ Đức Phúc

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 155/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH
Quy định tiêu chuẩn, định mức
sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định này, gồm:

- Diện tích đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;
- Diện tích làm việc phục vụ công tác các chức danh, diện tích sử dụng chung, diện tích chuyên dùng thuộc trụ sở làm việc tại cơ quan, tổ chức;
- Diện tích làm việc phục vụ công tác các chức danh, diện tích sử dụng chung, diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp tại đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng các công trình là tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện theo quy định riêng do cơ quan, người có thẩm quyền quy định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng của Nghị định này bao gồm:

a) Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội), đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị);

b) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xác định, quyết định, áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Các tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách được áp dụng theo cơ chế tài chính, cơ chế quản lý tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập thì tiêu chuẩn, định mức sử dụng cơ sở hoạt động sự nghiệp thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp quy định tại Nghị định này được sử dụng làm một trong các căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, thuê, quản lý, sử dụng và xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc phục vụ công tác các chức danh được xác định theo từng chức danh, chức vụ. Trường hợp một người giữ nhiều chức danh, chức vụ thì được áp dụng tiêu chuẩn cao nhất.

Ủy viên Trung ương Đảng dự khuyết đang đảm nhiệm vị trí công tác nào thì được áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc theo chức vụ đang công tác.

Đối với các chức danh, chức vụ trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị không quy định cụ thể tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này thì xác định tiêu chuẩn, định mức căn cứ quy định của cơ quan, người có thẩm quyền về chức danh, chức vụ đó tương đương với chức danh, chức vụ nào quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này hoặc xác định chức danh, chức vụ tương đương theo mức lương chức vụ hoặc hệ số

phụ cấp chức vụ tương đương với các chức danh, chức vụ quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Diện tích làm việc phục vụ công tác các chức danh, diện tích sử dụng chung, diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp quy định tại Nghị định này là diện tích được tính theo kích thước thông thủy theo quy định của pháp luật, không bao gồm cầu thang, thang máy, thang thoát hiểm, ram dốc, diện tích nhà để xe, diện tích tường bao, tường phân chia các phòng làm việc, diện tích sàn có cột, hộp kỹ thuật và tường bao hộp kỹ thuật (nếu có) bên trong phòng làm việc.

4. Phòng làm việc quy định tại Nghị định này là phòng làm việc theo thiết kế của trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (không phải là phòng theo cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị).

5. Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp hiện có đang quản lý, sử dụng hoặc thực hiện giao, điều chuyển hoặc xử lý sau khi thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động, cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý, sử dụng hoặc tiếp nhận trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được quản lý, sử dụng đối với phần diện tích theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định này.

Đối với phần diện tích lớn hơn so với tiêu chuẩn, định mức (nếu có), cơ quan, người có thẩm quyền giao, điều chuyển quy định tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công quyết định giao, điều chuyển phần diện tích này cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác quản lý, sử dụng nếu phù hợp với tiêu chuẩn, định mức và nhu cầu sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; trong thời gian cơ quan, người có thẩm quyền chưa giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý, sử dụng hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, bảo quản, bảo vệ đối với phần diện tích này. Trường hợp không có cơ quan, tổ chức, đơn vị phù hợp để giao, điều chuyển thì cơ quan, người có thẩm quyền giao, điều chuyển quy định tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công quyết định giao, điều chuyển cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý, sử dụng hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp quản lý, sử dụng bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Chương II

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức

1. Diện tích nhà làm việc thuộc trụ sở làm việc bao gồm các loại diện tích sau đây:

a) Diện tích làm việc phục vụ công tác của các chức danh quy định tại Điều 5 Nghị định này;

b) Diện tích sử dụng chung quy định tại Điều 6 Nghị định này;

c) Diện tích chuyên dùng quy định tại Điều 7 Nghị định này.

2. Diện tích đất thuộc trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức được xác định căn cứ diện tích nhà làm việc quy định tại khoản 1 Điều này, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Diện tích làm việc phục vụ công tác các chức danh

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích làm việc phục vụ công tác các chức danh thuộc trung ương và địa phương được quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

2. Tổng diện tích làm việc phục vụ công tác các chức danh được xác định trên cơ sở số lượng biên chế hoặc số người làm việc được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt hoặc theo đề án vị trí làm việc được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và số lượng người làm việc của đơn vị ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật hoặc định hướng biên chế, số lượng người làm việc xác định trong định hướng phát triển ngành, lĩnh vực đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (nếu có) tại thời điểm xác định tiêu chuẩn, định mức.

3. Căn cứ thiết kế và hiện trạng của trụ sở làm việc, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quyết định bố trí diện tích làm việc cụ thể cho các chức danh cho phù hợp với tình hình thực tế, có thể cao hơn hoặc thấp hơn diện tích theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo Nghị định này nhưng bảo đảm tổng diện tích bố trí cho các chức danh không vượt quá tổng diện tích làm việc được xác định theo quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II kèm theo Nghị định này.

Điều 6. Diện tích sử dụng chung

1. Diện tích sử dụng chung là diện tích sử dụng phục vụ hoạt động chung trong trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, gồm:

a) Phòng tiếp nhận và trả hồ sơ (bộ phận một cửa); phòng tiếp dân; phòng văn thư, đánh máy, hành chính, quản trị; phòng nhân sao tài liệu;

b) Phòng tiếp khách (trong nước, quốc tế);

c) Hội trường, phòng họp;

d) Phòng lưu trữ, phòng hồ sơ, phòng tư liệu và sách;

đ) Phòng trung tâm dữ liệu, phòng máy tính, quản trị mạng, phòng đặt thiết bị kỹ thuật, quản lý toà nhà;

e) Phòng thường trực, bảo vệ hoặc phòng bảo vệ có yêu cầu trực đêm; phòng truyền thông; phòng y tế; nhà ăn; kho thiết bị, dụng cụ, văn phòng phẩm; sảnh, hành lang; ban công, lô gia; nơi thu gom giấy loại và rác thải; nhà làm việc của đội xe; khu vệ sinh; diện tích phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy;

g) Diện tích sử dụng chung khác không thuộc diện tích quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này.

2. Diện tích sử dụng chung quy định tại khoản 1 Điều này được xác định tối đa không quá 85% tổng diện tích làm việc phục vụ công tác các chức danh của cơ quan, tổ chức và được phân bổ cho từng loại diện tích cụ thể quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều này.

Trường hợp sau khi phân bổ cho từng loại diện tích quy định tại khoản 1 Điều này mà diện tích của các phòng/bộ phận có quy định cụ thể tại Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam (công sở cơ quan hành chính nhà nước) thấp hơn so với mức tối thiểu được quy định tại Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam thì được áp dụng diện tích của phòng/bộ phận đó theo mức tối thiểu quy định tại Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam. Phần diện tích chênh lệch giữa diện tích được phân bổ và diện tích tối thiểu theo Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam được bổ sung vào diện tích sử dụng chung của cơ quan, tổ chức.

Điều 7. Diện tích chuyên dùng

1. Diện tích chuyên dùng là diện tích sử dụng để phục vụ hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức, gồm:

a) Diện tích sử dụng cho hoạt động kiểm sát, xét xử, hỏi cung trong trụ sở của cơ quan tư pháp; diện tích giao dịch của hệ thống ngân hàng nhà nước, kho bạc nhà nước;

b) Kho chuyên ngành như: Kho dự trữ quốc gia, kho bảo quản tiền, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý, chứng từ có giá, kho bảo quản vật chứng, kho bảo quản vật chứng đặc biệt, kho bảo quản các tài sản khác theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đặc thù của ngành;

c) Kho lưu trữ chuyên dụng (nếu có);

d) Nhà lưu trú công vụ phục vụ hoạt động nghiệp vụ đặc thù của ngành, diện tích rèn luyện thể chất của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức (nếu có);

đ) Diện tích chuyên dùng khác không thuộc diện tích quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức (nếu có).

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, văn bản thể hiện nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, nhu cầu sử dụng thực tế và quy định khác có liên quan, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, cụ thể như sau:

a) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với các cơ quan của Đảng ở trung ương;

b) Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý;

c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương) quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý;

d) Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với cơ quan của Đảng ở địa phương;

đ) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật khác có liên quan đối với các cơ quan, tổ chức của địa phương; trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này.

3. Trường hợp bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên ngành đã quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước thì xác định diện tích chuyên dùng căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên ngành.

4. Quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng quy định tại khoản 2 Điều này được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Chương III

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 8. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng cơ sở hoạt động sự nghiệp của đơn vị

1. Diện tích nhà làm việc, công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp bao gồm các loại diện tích sau đây:

a) Diện tích làm việc phục vụ công tác các chức danh quy định tại Điều 9 Nghị định này;

b) Diện tích sử dụng chung quy định tại Điều 10, diện tích chuyên dùng quy định tại Điều 11 Nghị định này;

c) Diện tích công trình sự nghiệp quy định tại Điều 12 Nghị định này.

2. Diện tích đất thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp của đơn vị được xác định căn cứ diện tích nhà làm việc, công trình sự nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

Điều 9. Diện tích làm việc phục vụ công tác các chức danh

1. Tiêu chuẩn, định mức diện tích làm việc phục vụ công tác các chức danh thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

2. Đối với các chức danh làm việc trong một số lĩnh vực như giảng viên, giáo viên, bác sỹ, điều dưỡng, kỹ thuật viên, hộ lý, nhà khoa học và một số chức danh khác của đơn vị thì diện tích làm việc của các chức danh này được bố trí phù hợp với tính chất công việc trong diện tích công trình sự nghiệp quy định tại Điều 12 Nghị định này hoặc diện tích làm việc phục vụ công tác các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 10. Diện tích sử dụng chung

Diện tích sử dụng chung thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định này.

Điều 11. Diện tích chuyên dùng

1. Diện tích chuyên dùng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, văn bản thể hiện nhiệm vụ đặc thù của đơn vị, nhu cầu sử dụng thực tế và quy định khác có liên quan, cơ quan, người

có thẩm quyền quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, cụ thể như sau:

a) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với đơn vị sự nghiệp của Đảng ở trung ương; trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản này;

b) Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với đơn vị thuộc phạm vi quản lý; trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản này;

c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với đơn vị thuộc phạm vi quản lý; trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản này;

d) Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với đơn vị sự nghiệp của Đảng ở địa phương; trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản này;

đ) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật khác có liên quan đối với đơn vị của địa phương; trừ trường hợp quy định tại điểm d, điểm e khoản này;

e) Hội đồng quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (trong trường hợp đơn vị sự nghiệp không có Hội đồng quản lý) quyết định đối với đơn vị mình.

3. Trường hợp bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên ngành đã quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước thì xác định diện tích chuyên dùng căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên ngành.

4. Quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng quy định tại khoản 2 Điều này được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 12. Diện tích công trình sự nghiệp

1. Diện tích công trình sự nghiệp gồm:

a) Diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo;

b) Diện tích công trình sự nghiệp khác ngoài diện tích công trình sự nghiệp quy định tại điểm a khoản này, gồm: diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch, thông tin, truyền thông, khoa học,

công nghệ và đổi mới sáng tạo, ngoại giao, nông nghiệp và môi trường và các lĩnh vực khác.

2. Diện tích công trình sự nghiệp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này

a) Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của các đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này;

c) Trường hợp Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa quy định chi tiết hướng dẫn hoặc chưa quy định chi tiết hướng dẫn đầy đủ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của các đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này. Sau khi Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết hướng dẫn tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này rà soát để ban hành mới hoặc thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của các đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này cho phù hợp với quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Diện tích công trình sự nghiệp khác quy định tại điểm b khoản 1 Điều này

Căn cứ quy định về chức năng, nhiệm vụ, hoạt động đặc thù của đơn vị và các quy định khác có liên quan, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp khác của các đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này.

4. Quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích công trình sự nghiệp quy định tại các khoản 2, khoản 3 Điều này được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương, địa phương được sử dụng quy định tiêu chuẩn, định mức tại Nghị định này để xây dựng phương án, quyết định, tổ chức việc bố trí, sắp xếp, xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp khi thực hiện sắp xếp tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị và xây dựng, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai (02) cấp kể từ ngày Nghị định này được ký ban hành.

2. Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 14. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với nhiệm vụ, dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ, dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp quyết định điều chỉnh hoặc không điều chỉnh theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Nghị định này.

2. Đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà còn phù hợp thì tiếp tục thực hiện theo văn bản đã ban hành cho đến khi cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại các Điều 7, 11 và 12 Nghị định này quyết định tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng, diện tích công trình sự nghiệp mới. Trong trường hợp này, cơ quan, người có thẩm quyền có văn bản thông báo đến cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý để thực hiện.

3. Đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp hiện có đang quản lý, sử dụng hoặc đang thực hiện giao, điều chuyển hoặc xử lý sau khi thực

hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, chấm dứt hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định này và pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Đối với các chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị được quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này mà đang được hưởng mức lương chức vụ hoặc hệ số phụ cấp chức vụ cao hơn nhóm chức danh, chức vụ quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này thì xác định tiêu chuẩn, định mức theo chức danh, chức vụ được hưởng mức lương chức vụ hoặc hệ số phụ cấp chức vụ cao hơn.

5. Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trong thời gian được kéo dài theo kết luận của cấp có thẩm quyền, quy định của cơ quan, người có thẩm quyền thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bố trí diện tích làm việc phù hợp cho các chức danh này.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Nghị định này.

2. Trong quá trình thực hiện sắp xếp tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị và xây dựng, thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai (02) cấp, cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển quy định tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công quyết định giao, điều chuyển một hoặc nhiều trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp cho một hoặc nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng.

3. Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương, địa phương có trách nhiệm:

a) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và việc thực hiện quy định tại Nghị định này; xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật khác có liên quan.

4. Thanh tra Chính phủ và các cơ quan có chức năng thanh tra có trách nhiệm:

a) Tổ chức thanh tra việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và việc thực hiện quy định tại Nghị định này;

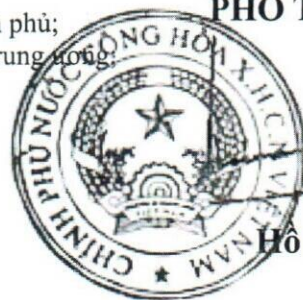
b) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b).

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hồ Đức Phớc



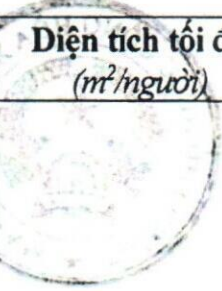
Phụ lục I

**TIÊU CHUẨN ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG DIỆN TÍCH LÀM VIỆC
CÁC CHỨC DANH THUỘC TRUNG ƯƠNG**

Kèm theo Nghị định số 155/2025/NĐ-CP

ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)

STT	Chức danh	Diện tích tối đa (m ² /người)
1	Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội.	Được bố trí theo yêu cầu công tác
2	Thường trực Ban Bí thư; Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội	Được bố trí theo yêu cầu công tác
3	- Ủy viên Trung ương Đảng chính thức; Trưởng ban, cơ quan Đảng ở Trung ương; Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Tổng Kiểm toán Nhà nước; Phó Chủ tịch - Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Trưởng tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương; - Các chức danh, chức vụ tương đương.	65
4	- Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; - Phó Trưởng ban, cơ quan Đảng ở Trung ương; Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Phó Tổng Biên tập Báo Nhân Dân; Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc; Phó Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Thứ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước; Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó trưởng các tổ	55

STT	Chức danh	Diện tích tối đa (m ² /người)
	chức chính trị - xã hội ở trung ương; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Giám đốc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Trợ lý các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước; Trợ lý Thường trực Ban Bí thư; - Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Các chức danh, chức vụ tương đương.	
5	- Phó Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy viên Thường trực Tiểu ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương; Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách; - Ủy viên Ban Biên tập Báo Nhân Dân; Ủy viên Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản; Phó trưởng ban chuyên trách hoặc ủy viên chuyên trách các ban chỉ đạo ở Trung ương; ban chỉ đạo do Thủ tướng, Phó Thủ tướng làm trưởng ban chỉ đạo; Trợ lý các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước; - Tổng Biên tập Báo Đại biểu nhân dân; Tổng Giám đốc Công Thông tin điện tử Chính phủ; Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội; Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; - Phó Giám đốc Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Phó Tổng Biên tập Báo Đại biểu nhân dân; Phó Tổng Giám đốc Công Thông tin điện tử Chính phủ; Giám đốc học viện trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; - Vụ trưởng, cục trưởng, viện trưởng, trưởng ban và tương đương thuộc ban, cơ quan của Đảng; bộ, ngành cơ quan ngang bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở trung ương; Ủy viên Hội đồng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Thư ký các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước; - Vụ trưởng và tương đương của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, trưởng cơ quan, đơn vị của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Phó giám đốc các học viện trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;	40

STT	Chức danh	Diện tích tối đa (m ² /người)
	- Các chức danh, chức vụ tương đương.	
6	- Phó vụ trưởng, phó cục trưởng, phó viện trưởng, phó trưởng ban và tương đương thuộc các ban, cơ quan của Đảng; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở Trung ương; Thư ký các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, bộ trưởng và tương đương, đảng ủy trực thuộc Trung ương; - Phó vụ trưởng và tương đương của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, phó trưởng các cơ quan, đơn vị của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; - Các chức danh, chức vụ tương đương.	30
7	- Trưởng, Phó trưởng phòng và tương đương của các cơ quan, đơn vị thuộc các ban, cơ quan của Đảng; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở Trung ương; - Trưởng, Phó trưởng phòng, khoa và tương đương trực thuộc các học viện trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; các cơ quan, đơn vị thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; - Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính và các chức danh tương đương; - Các chức danh, chức vụ tương đương.	20
8	Chuyên viên và các chức danh tương đương.	15
9	Cá nhân ký hợp đồng lao động theo quy định của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.	10

Ghi chú:

- Đối với chức danh từ STT 3 đến STT 4 thì diện tích tối đa nêu trên bao gồm diện tích làm việc, diện tích tiếp khách, ngoài ra các chức danh này được bố trí diện tích cần thiết khác (nếu có) và diện tích này không tính vào tổng diện tích của cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

- Đối với chức danh từ STT 5, STT 6 thì diện tích tối đa nêu trên bao gồm diện tích làm việc, diện tích tiếp khách.



Phụ lục II

**TIÊU CHUẨN ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG DIỆN TÍCH LÀM VIỆC
CHO CÁC CHỨC DANH THUỘC ĐỊA PHƯƠNG**

*Kiểm theo Nghị định số 155/2025/NĐ-CP
ngày 6 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ)*

STT	Chức danh	Diện tích tối đa (m ² /người)
1	Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Hà Nội, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh	Được bố trí theo yêu cầu công tác
2	- Ủy viên Trung ương Đảng chính thức; - Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy (trừ thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh); Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; - Các chức danh, chức vụ tương đương.	65
3	- Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trừ thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh); - Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; - Các chức danh, chức vụ tương đương.	55
4	- Ủy viên Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trừ thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh); - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Các chức danh, chức vụ tương đương.	45
5	- Trưởng ban Đảng, cơ quan trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; - Giám đốc sở, trưởng các cơ quan, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh; - Các chức danh, chức vụ tương đương.	40

STT	Chức danh	Diện tích tối đa (m ² /người)
6	- Phó Trưởng ban Đảng, cơ quan trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thư ký bí thư tỉnh ủy, thành ủy; - Phó giám đốc sở, phó trưởng các cơ quan, ban, ngành và tương đương thuộc địa phương; Ủy viên ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương; - Bí thư đảng ủy cấp xã và tương đương; - Các chức danh, chức vụ tương đương.	30
7	- Phó bí thư đảng ủy cấp xã và tương đương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; - Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã; - Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và tương đương các ban, cơ quan thuộc tỉnh ủy, thành ủy, văn phòng Hội đồng nhân dân, văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; - Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và tương đương của sở, các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh; - Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính và tương đương của sở, các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh, cấp xã; - Các chức danh, chức vụ tương đương.	20
8	Trưởng phòng, Phó trưởng phòng, ban, cơ quan và tương đương cấp xã.	18
9	Chuyên viên và các chức danh tương đương thuộc địa phương (bao gồm cả công chức cấp xã).	15
10	Cá nhân ký hợp đồng lao động theo quy định của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.	10

Ghi chú:

- Đối với chức danh từ STT 2, STT 3 thì diện tích tối đa nêu trên bao gồm diện tích làm việc, diện tích tiếp khách; ngoài ra các chức danh này được bố trí diện tích cần thiết khác (nếu có) và diện tích này không tính vào tổng diện tích của cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

- Đối với chức danh từ STT 4 đến STT 6 thì diện tích tối đa nêu trên bao gồm diện tích làm việc, diện tích tiếp khách.



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15 /2025/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này, gồm:

- Máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh;
- Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung;
- Máy móc, thiết bị chuyên dùng.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ.

3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị là tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện theo quy định riêng do cơ quan, người có thẩm quyền quy định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng của Quyết định này, gồm:

a) Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội), đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị);

b) Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xác định, quyết định, áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

2. Các tổ chức tài chính nhà nước ngoài ngân sách được áp dụng theo cơ chế tài chính, cơ chế quản lý tài sản của đơn vị sự nghiệp công lập thì tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn, định mức

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị quy định tại Quyết định này được sử dụng làm một trong các căn cứ để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, mua sắm, thuê, quản lý, sử dụng, xử lý máy móc, thiết bị.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh được xác định theo từng chức danh, chức vụ. Trường hợp một người giữ nhiều chức danh, chức vụ thì được áp dụng tiêu chuẩn cao nhất. Khi người tiền nhiệm nghỉ chế độ, chuyển công tác hoặc vì lý do khác mà không còn giữ chức vụ đó nữa nhưng máy móc, thiết bị đã trang bị chưa đủ điều kiện thay thế, thanh lý theo quy định thì người kế nhiệm tiếp tục sử dụng, không trang bị mới; trừ trường hợp máy móc, thiết bị được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Ủy viên Trung ương Đảng dự khuyết đang đảm nhiệm vị trí công tác nào thì được áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị theo chức vụ đang công tác.

Đối với các chức danh, chức vụ trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị không quy định cụ thể tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này thì xác định tiêu chuẩn, định mức căn cứ quy định của cơ quan, người có thẩm quyền về chức danh, chức vụ đó tương đương với chức danh, chức vụ nào quy

định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này hoặc xác định chức danh, chức vụ tương đương theo mức lương chức vụ hoặc hệ số phụ cấp chức vụ tương đương với các chức danh, chức vụ quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Đối với dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại có quy định cụ thể về chủng loại, số lượng, mức giá của máy móc, thiết bị phục vụ công tác quản lý dự án thì thực hiện theo Hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp Hiệp định hoặc văn kiện dự án không quy định cụ thể thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị quy định tại Quyết định này.

4. Số lượng và mức giá của máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh, phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này là mức tối đa; Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng để quyết định số lượng và mức giá cụ thể.

5. Nguyên tắc xác định mức giá máy móc, thiết bị:

a) Mức giá máy móc, thiết bị quy định tại Quyết định này khi thực hiện mua mới là giá đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật, sau khi trừ đi các khoản chiết khấu, giảm giá (nếu có); chưa bao gồm: phí vận chuyển; phí lắp đặt; phí bảo hiểm; lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; chi phí khác có liên quan;

b) Mức giá máy móc, thiết bị làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức trong trường hợp giao, điều chuyển, chuyển đổi công năng sử dụng máy móc, thiết bị đã qua sử dụng là giá trị còn lại trên sổ kế toán hoặc giá trị đánh giá lại theo quy định của pháp luật (đối với máy móc, thiết bị chưa được theo dõi giá trị trên sổ kế toán hoặc trường hợp phải đánh giá lại khi xử lý theo quy định của pháp luật); cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển, chuyển đổi công năng sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công quyết định đối với trường hợp máy móc, thiết bị đã qua sử dụng có giá trị còn lại hoặc giá trị đánh giá lại cao hơn mức giá tối đa quy định tại Quyết định này.

6. Phòng làm việc quy định tại Quyết định này là phòng làm việc theo thiết kế của trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (không phải là phòng theo cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị).

7. Máy móc, thiết bị quy định tại Quyết định này được thay thế khi đủ điều kiện thanh lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Chương II **TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC,** **THIẾT BỊ TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ**

Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh

1. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh thuộc trung ương và địa phương được quy định tại Mục A Phụ lục I, Mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Số lượng và mức giá của máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quyết định này và khoản 3, khoản 4 Điều này.

3. Trường hợp cần thiết bổ sung số lượng máy móc, thiết bị đã quy định tại khoản 1 Điều này hoặc bổ sung các loại máy móc, thiết bị khác ngoài các máy móc, thiết bị đã quy định tại khoản 1 Điều này để phục vụ Chính phủ điện tử, số hóa, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhiệm vụ được giao thì cơ quan, người có thẩm quyền quyết định; cụ thể:

a) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với các cơ quan, đơn vị của Đảng ở trung ương; trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản này;

b) Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản này;

c) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương) quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản này;

d) Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định đối với các cơ quan, đơn vị của Đảng ở địa phương; trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản này;

đ) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật khác có liên quan đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương; trừ trường hợp quy định tại điểm d, điểm e khoản này;

e) Hội đồng quản lý, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (đối với trường hợp không có Hội đồng quản lý) quyết định đối với đơn vị mình.

4. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh mức giá máy móc, thiết bị quy định tại khoản 1 Điều này, việc điều chỉnh mức giá được quy định như sau:

a) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định trong trường hợp điều chỉnh mức giá cao hơn không quá 15% so với mức giá quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định trong trường hợp điều chỉnh mức giá cao hơn từ trên 15% đến không quá 30% so với mức giá quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung

1. Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung, gồm:

a) Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc;

b) Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị và máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng, bao gồm: thang máy; hệ thống phòng cháy, chữa cháy; hệ thống chiếu sáng; hệ thống thông tin; điều hòa; camera; âm thanh; thiết bị vệ sinh; bàn, ghế hội trường, phòng họp; máy phát điện; máy bơm nước; tivi; màn hình LED; máy chiếu; các máy móc, thiết bị khác.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

a) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương và địa phương được quy định tại Mục B Phụ lục I, Mục B Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này và khoản 4 Điều 3, khoản 3, khoản 4 Điều 4 Quyết định này;

b) Số biên chế làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị quy định tại điểm a khoản này là số lượng biên chế hoặc số người làm việc được cơ quan, người có thẩm quyền giao, phê duyệt hoặc theo đề án

vị trí việc làm được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt và số lượng người làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật tại thời điểm xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

c) Căn cứ tổng số lượng máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc được xác định theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định số lượng máy móc, thiết bị trang bị tại từng phòng làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình;

d) Máy móc, thiết bị trong tiêu chuẩn, định mức quy định tại điểm a khoản này là máy móc, thiết bị có chức năng riêng. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu trang bị máy móc, thiết bị tích hợp đa chức năng (như in, photocopy, scan, các chức năng khác) thì số lượng tối đa của máy móc, thiết bị tích hợp đa chức năng áp dụng theo số lượng tối đa của máy móc, thiết bị có mức giá tối đa cao nhất; mức giá tối đa của máy móc, thiết bị tích hợp đa chức năng không vượt quá tổng mức giá tối đa của máy móc, thiết bị có chức năng riêng đó; không trang bị riêng loại máy móc, thiết bị có chức năng đã tích hợp.

3. Việc trang bị máy móc, thiết bị quy định tại điểm b khoản 1 Điều này do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 này quyết định trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu sử dụng, thiết kế xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Việc thay thế các loại máy móc, thiết bị quy định tại điểm b khoản 1 Điều này xác định theo chủng loại, số lượng của máy móc, thiết bị được thay thế; mức giá máy móc, thiết bị thay thế được xác định phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng.

Điều 6. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng

1. Máy móc, thiết bị chuyên dùng, gồm:

a) Máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo;

b) Máy móc, thiết bị chuyên dùng khác ngoài máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại điểm a khoản này.

2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này:

a) Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Căn cứ quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này;

c) Trường hợp Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa quy định chi tiết hướng dẫn hoặc chưa quy định chi tiết hướng dẫn đầy đủ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này. Sau khi Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết hướng dẫn tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này rà soát để thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này cho phù hợp với quy định chi tiết hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:

a) Máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại khoản này là máy móc, thiết bị quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này nhưng có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình và mức giá cao hơn theo quy định của pháp luật chuyên ngành hoặc do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị tự xác định trên cơ sở phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc; máy móc, thiết bị phục vụ công tác bí mật nhà nước; máy móc, thiết bị trang bị cho phòng tiếp dân, bộ phận một cửa; máy móc, thiết bị khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 3 Điều 4 Quyết định này.

4. Mức giá máy móc, thiết bị chuyên dùng trong tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng do cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều này quyết định phù hợp với giá mua trên thị trường của chủng loại máy móc, thiết bị tương ứng.

5. Việc quy định và quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này được áp dụng đối với máy móc, thiết bị đủ tiêu chuẩn tài sản cố định theo quy định của chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng không đủ điều kiện tiêu chuẩn tài sản cố định thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định trang bị các loại máy móc, thiết bị này.

6. Quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương, địa phương được sử dụng quy định tiêu chuẩn, định mức tại Quyết định này để xây dựng phương án, quyết định, tổ chức việc bố trí, sắp xếp, xử lý máy móc, thiết bị khi thực hiện sắp xếp tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị và xây dựng, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp kể từ ngày Quyết định này được ký ban hành.

2. Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 8. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với trường hợp mua sắm tài sản, trang thiết bị đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện mua sắm thì được điều chỉnh tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị theo quy định tại Quyết định này.

2. Đối với tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đã được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành mà còn phù hợp thì tiếp tục thực hiện theo văn bản đã ban hành cho đến khi cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Quyết định này quyết định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng mới. Trong trường hợp này, cơ quan, người có thẩm quyền có văn bản thông báo đến cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để thực hiện.

3. Đối với máy móc, thiết bị đã được trang bị trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục sử dụng máy móc, thiết bị đã được trang bị cho đến khi thực hiện thanh lý hoặc được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Đối với các chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị được quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này mà đang được hưởng mức lương chức vụ hoặc hệ số phụ cấp chức vụ cao hơn nhóm chức danh, chức vụ quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này thì xác định tiêu chuẩn, định mức theo chức danh, chức vụ được hưởng mức lương chức vụ hoặc hệ số phụ cấp chức vụ cao hơn.

5. Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trong thời gian được kéo dài theo kết luận của cấp có thẩm quyền, quy định của cơ quan, người có thẩm quyền thì được tiếp tục sử dụng máy móc, thiết bị đã trang bị; trường hợp còn thiếu, Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí trong máy móc, thiết bị hiện có của xã cho các chức danh này.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm quy định chi tiết hướng dẫn về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Quyết định này.

2. Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương, địa phương có trách nhiệm:

a) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và việc thực hiện quy định tại Quyết định này; xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Quyết định này và pháp luật khác có liên quan.

3. Thanh tra Chính phủ và các cơ quan có chức năng thanh tra có trách nhiệm:

a) Tổ chức thanh tra việc tuân thủ tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và việc thực hiện quy định tại Quyết định này;

b) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).





Phụ lục I

**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ
CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC TRUNG ƯƠNG**

(Kèm theo Quyết định số 15 /2025/QĐ-TTg

ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

**A. TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ
PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁC CHỨC DANH**

STT	Máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (Triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
I	Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội	Được bố trí theo yêu cầu công tác	
II	Thường trực Ban Bí thư; Ủy viên Bộ Chính trị; Ủy viên Ban Bí thư; Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Phó Chủ tịch nước; Phó Thủ tướng Chính phủ; Phó Chủ tịch Quốc hội		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	30
2	Tủ đựng tài liệu	04 chiếc	10
3	Máy vi tính để bàn	01 bộ	20
4	Máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	01 chiếc	25
5	Máy in	01 chiếc	13
6	Điện thoại cố định (không kể điện thoại công vụ)	01 chiếc	2,5
7	Bộ bàn ghế họp	01 bộ	30
8	Bộ bàn ghế tiếp khách	01 bộ	38
III	- Ủy viên Trung ương Đảng chính thức; Trưởng ban, cơ quan Đảng ở trung ương; Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Tổng Biên tập Báo Nhân dân, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Tổng Kiểm toán nhà nước; Phó Chủ tịch - Tổng thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Trưởng tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương; - Các chức danh, chức vụ tương đương.		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	20
2	Tủ đựng tài liệu	03 chiếc	10

STT	Máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (Triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
3	Máy vi tính để bàn	01 bộ	20
4	Máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	01 chiếc	25
5	Máy in	01 chiếc	13
6	Điện thoại cố định (không kể điện thoại công vụ)	01 chiếc	2,5
7	Bộ bàn ghế họp	01 bộ	30
8	Bộ bàn ghế tiếp khách	01 bộ	30
IV	- Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; - Phó Trưởng ban, cơ quan Đảng ở trung ương; Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Phó Tổng Biên tập Báo Nhân dân; Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc; Phó Chủ nhiệm các Ủy ban của Quốc hội; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội; Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Thứ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan ngang bộ; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Phó Tổng Kiểm toán nhà nước; Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Giám đốc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Trợ lý các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước; Trợ lý Thường trực Ban Bí thư; - Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội; Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Các chức danh, chức vụ tương đương.		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	15
2	Tủ đựng tài liệu	02 chiếc	10
3	Máy vi tính để bàn	01 bộ	20
4	Máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	01 chiếc	25
5	Máy in	01 chiếc	13
6	Điện thoại cố định (không kể điện thoại công vụ)	01 chiếc	2,5
7	Bộ bàn ghế họp	01 bộ	25
8	Bộ bàn ghế tiếp khách	01 bộ	25

STT	Máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (Triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
V	- Phó Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy viên Thường trực Tiểu ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương; Ủy viên là đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách; - Ủy viên Ban Biên tập Báo Nhân dân; Ủy viên Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản; Phó Trưởng ban chuyên trách hoặc Ủy viên chuyên trách các Ban Chỉ đạo ở trung ương; Ban Chỉ đạo do Thủ tướng, Phó Thủ tướng làm Trưởng ban Chỉ đạo; Trợ lý các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước; - Tổng Biên tập Báo Đại biểu nhân dân; Tổng Giám đốc Công thông tin điện tử Chính phủ; Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội; Phó Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; - Phó Giám đốc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Phó Tổng Biên tập Báo Đại biểu nhân dân; Phó Tổng Giám đốc Công thông tin điện tử Chính phủ; Giám đốc Học viện trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; - Vụ trưởng, Cục trưởng, Viện trưởng, Trưởng ban và tương đương thuộc ban, cơ quan của Đảng; bộ, ngành cơ quan ngang bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở trung ương; Ủy viên Hội đồng Biên tập Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; Thư ký các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước; - Vụ trưởng và tương đương của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Trưởng cơ quan, đơn vị của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; Phó Giám đốc các Học viện trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; - Các chức danh, chức vụ tương đương.		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	13
2	Tủ đựng tài liệu	02 chiếc	7
3	Máy vi tính để bàn	01 bộ	20
4	Máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	01 chiếc	25
5	Máy in	01 chiếc	13
6	Điện thoại cố định (không kể điện thoại công vụ)	01 chiếc	1,5
7	Bộ bàn ghế họp	01 bộ	20
8	Bộ bàn ghế tiếp khách	01 bộ	20
VI	- Phó Vụ trưởng, Phó Cục trưởng, Phó Viện trưởng, Phó Trưởng ban và tương đương thuộc các ban, cơ quan của Đảng; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở trung ương; Thư ký các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng và tương đương, Đảng ủy trực thuộc trung ương; - Phó Vụ trưởng và tương đương của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Phó Trưởng các cơ quan, đơn vị của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; - Các chức danh, chức vụ tương đương.		

STT	Máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (Triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	13
2	Tủ đựng tài liệu	02 chiếc	7
3	Máy vi tính để bàn	01 bộ	20
4	Máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	01 chiếc	25
5	Máy in	01 chiếc	13
6	Điện thoại cố định	01 chiếc	1,5
7	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	15
VII	- Trưởng, Phó Trưởng phòng và tương đương của các cơ quan, đơn vị thuộc các ban, cơ quan của Đảng; bộ, ngành, cơ quan ngang bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở trung ương; - Trưởng, Phó Trưởng phòng, khoa và tương đương trực thuộc các Học viện trực thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật; các cơ quan, đơn vị thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; - Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính và các chức danh tương đương; - Các chức danh, chức vụ tương đương.		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	10
2	Tủ đựng tài liệu	02 chiếc	7
3	Máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	01 bộ hoặc 01 chiếc	20
4	Máy in	01 chiếc	13
5	Điện thoại cố định	01 chiếc	1
6	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	13
VIII	- Chuyên viên và các chức danh tương đương; - Cá nhân ký hợp đồng lao động theo quy định của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	7
2	Tủ đựng tài liệu	01 chiếc	7
3	Máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	01 bộ hoặc 01 chiếc	20
4	Điện thoại cố định	01 chiếc	1

B. TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CHUNG TRANG BỊ TẠI PHÒNG LÀM VIỆC

STT	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (Triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ/01 phòng làm việc	13
2	Máy in	01 chiếc/03 biên chế	13
3	Máy scan tài liệu	01 chiếc/15 biên chế	22
4	Máy hủy tài liệu	01 chiếc/15 biên chế	10
5	Máy photocopy	01 chiếc/15 biên chế	110
6	Giá đựng tài liệu	01 chiếc/10 biên chế	1,5

Ghi chú:

- Mức giá mua tối đa của máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay, máy tính bảng, thiết bị công nghệ thông tin tương ứng chưa bao gồm bản quyền sản phẩm phần mềm, phần mềm hệ thống, các loại phần mềm ứng dụng khác.
- Số lượng tối đa của máy móc, thiết bị quy định tại số thứ tự 1 Mục B áp dụng đối với phòng làm việc của các chức danh quy định tại điểm VIII Mục A.
- Số lượng tối đa của máy móc, thiết bị quy định tại số thứ tự 2 Mục B áp dụng đối với các chức danh quy định tại điểm VIII Mục A.
- Số lượng tối đa của máy móc, thiết bị quy định tại các số thứ tự 3, 4, 5 và 6 Mục B áp dụng đối với toàn bộ các chức danh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- Trường hợp thay thế riêng lẻ bàn hoặc ghế của bộ bàn ghế thì mức giá của bàn bằng 60% mức giá của 01 bộ bàn ghế, mức giá của ghế bằng 40% mức giá của 01 bộ bàn ghế.
- Trường hợp khi tính toán tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị quy định tại các số thứ tự 2, 3, 4, 5 và 6 Mục B ra số thập phân thì được làm tròn lên (Ví dụ: Làm tròn số 0,21 thành 1; làm tròn số 9,68 thành 10).



Phụ lục II

**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ
CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC ĐỊA PHƯƠNG**

(Kèm theo Quyết định số 15 /2025/QĐ-TTg
ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

**A. TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ
PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁC CHỨC DANH**

STT	Máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (Triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
I	Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Bí thư Thành ủy Hà Nội, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	30
2	Tủ đựng tài liệu	04 chiếc	10
3	Máy vi tính để bàn	01 bộ	20
4	Máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	01 chiếc	25
5	Máy in	01 chiếc	13
6	Điện thoại cố định (không kể điện thoại công vụ)	01 chiếc	2.5
7	Bộ bàn ghế họp	01 bộ	30
8	Bộ bàn ghế tiếp khách	01 bộ	38
II	- Ủy viên Trung ương Đảng chính thức; - Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy (trừ thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh); Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; - Các chức danh, chức vụ tương đương.		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	20
2	Tủ đựng tài liệu	03 chiếc	10
3	Máy vi tính để bàn	01 bộ	20
4	Máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	01 chiếc	25
5	Máy in	01 chiếc	13
6	Điện thoại cố định (không kể điện thoại công vụ)	01 chiếc	2,5
7	Bộ bàn ghế họp	01 bộ	30
8	Bộ bàn ghế tiếp khách	01 bộ	30

STT	Máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (Triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
III	- Phó Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trừ thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh); - Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy Hà Nội, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh; Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; - Các chức danh, chức vụ tương đương.		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	15
2	Tủ đựng tài liệu	02 chiếc	10
3	Máy vi tính để bàn	01 bộ	20
4	Máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	01 chiếc	25
5	Máy in	01 chiếc	13
6	Điện thoại cố định (không kể điện thoại công vụ)	01 chiếc	2,5
7	Bộ bàn ghế họp	01 bộ	25
8	Bộ bàn ghế tiếp khách	01 bộ	25
IV	- Ủy viên Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trừ thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh); - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Các chức danh, chức vụ tương đương.		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	13
2	Tủ đựng tài liệu	02 chiếc	7
3	Máy vi tính để bàn	01 bộ	20
4	Máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	01 chiếc	25
5	Máy in	01 chiếc	13
6	Điện thoại cố định	01 chiếc	1,5
7	Bộ bàn ghế họp	01 bộ	22
8	Bộ bàn ghế tiếp khách	01 bộ	22
V	- Trưởng ban Đảng, cơ quan trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; - Giám đốc sở, Trưởng các cơ quan, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh; - Các chức danh, chức vụ tương đương.		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	13

STT	Máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (Triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
2	Tủ đựng tài liệu	02 chiếc	7
3	Máy vi tính để bàn	01 bộ	20
4	Máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	01 chiếc	25
5	Máy in	01 chiếc	13
6	Điện thoại cố định	01 chiếc	1,5
7	Bộ bàn ghế họp	01 bộ	20
8	Bộ bàn ghế tiếp khách	01 bộ	20
VI	- Phó Trưởng ban Đảng, cơ quan trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thư ký Bí thư tỉnh ủy, thành ủy; - Phó Giám đốc sở, Phó Trưởng các cơ quan, ban, ngành và tương đương thuộc địa phương; Ủy viên Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương; - Bí thư Đảng ủy cấp xã và tương đương; - Các chức danh, chức vụ tương đương.		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	13
2	Tủ đựng tài liệu	02 chiếc	7
3	Máy vi tính để bàn	01 bộ	20
4	Máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	01 chiếc	25
5	Máy in	01 chiếc	13
6	Điện thoại cố định	01 chiếc	1,5
7	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	15
VII	- Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã và tương đương; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; - Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã; - Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương các ban, cơ quan thuộc tỉnh ủy, thành ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố; - Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương của sở, các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh; - Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính và tương đương của sở, các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh, cấp xã; - Các chức danh, chức vụ tương đương.		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	10
2	Tủ đựng tài liệu	02 chiếc	7

STT	Máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (Triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
3	Máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	01 bộ hoặc 01 chiếc	20
4	Máy in	01 chiếc	13
5	Điện thoại cố định	01 chiếc	1
6	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	13
VIII	- Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, ban, cơ quan và tương đương cấp xã; - Chuyên viên và các chức danh tương đương thuộc địa phương (bao gồm công chức cấp xã); - Cá nhân ký hợp đồng lao động theo quy định của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.		
1	Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	7
2	Tủ đựng tài liệu	01 chiếc	7
3	Máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính xách tay hoặc máy tính bảng hoặc thiết bị công nghệ thông tin tương đương	01 bộ hoặc 01 chiếc	20
4	Điện thoại cố định	01 chiếc	1

B. TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CHUNG TRANG BỊ TẠI PHÒNG LÀM VIỆC

STT	Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung trang bị tại phòng làm việc	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (Triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
1	Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ/01 phòng làm việc	13
2	Máy in	01 chiếc/03 biên chế	13
3	Máy scan tài liệu	01 chiếc/15 biên chế	22
4	Máy hủy tài liệu	01 chiếc/15 biên chế	10
5	Máy photocopy	01 chiếc/15 biên chế	110
6	Giá đựng tài liệu	01 chiếc/10 biên chế	1,5

Ghi chú:

- Mức giá mua tối đa của máy vi tính để bàn, máy vi tính xách tay, máy tính bảng, thiết bị công nghệ thông tin tương ứng chưa bao gồm bản quyền sản phẩm phần mềm, phần mềm hệ thống, các loại phần mềm ứng dụng khác.

- Số lượng tối đa của máy móc, thiết bị quy định tại số thứ tự 1 Mục B áp dụng đối với phòng làm việc của các chức danh quy định tại điểm VIII Mục A.

- Số lượng tối đa của máy móc, thiết bị quy định tại số thứ tự 2 Mục B áp dụng đối với các chức danh quy định tại điểm VIII Mục A.

- Số lượng tối đa của máy móc, thiết bị quy định tại các số thứ tự 3, 4, 5 và 6 Mục B áp dụng đối với toàn bộ các chức danh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Trường hợp thay thế riêng lẻ bàn hoặc ghế của bộ bàn ghế thì mức giá của bàn bằng 60% mức giá của 01 bộ bàn ghế, mức giá của ghế bằng 40% mức giá của 01 bộ bàn ghế.

- Trường hợp khi tính toán tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị quy định tại các số thứ tự 2, 3, 4, 5 và 6 Mục B ra số thập phân thì được làm tròn lên (Ví dụ: Làm tròn số 0,21 thành 1; làm tròn số 9,68 thành 10).